Năm thứ hai — Số 78
Tuần-lễ từ thứ tư 18 Novembre
đến thứ ba 24 Novembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY:

Mới 179 năm nay, văn xuôi của ta đã đổi khác nhiều — *Hoa-Bằng*
Lịch-sử bịnh lao — *Bác-sĩ Lê văn-Ngôn*
Tra nghĩa chữ nho (XXIII) — *Nguyễn văn-Tố*
Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ (XLVIII) — *Ứng-Hòe*
Phê-bình «Nhà văn hiện đại» — *Kiều thanh-Quế*
Nam đàn bát châu (VIII) — *Tùng-Vân Nguyễn đôn-Phục*
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (Du-ký, XIII) — *Nhật-Nham*
Tháng 7, năm quí-mão, 1783, chúa Nguyễn-Ánh có chạy thấu Côn-đảo...? — *Dương-Kỵ*
Những ông nghè triều Lê (XLIII) — *Nguyễn văn-Tố*
Dịch thơ tây — *Cách-Chi*
Bản sách-dẫn về «Đại Nam liệt truyện» (X) — *Thọ-Xuân*
Đêm hội Long-trì (Tiểu-thuyết, I) — *Nguyễn huy-Tưởng*

0$20

Nhân một bản dịch « Truyền kỳ mạn lục » từ năm Lê Cảnh-hưng thứ XXIV (1763)

MỚI 179 NĂM NAY, VĂN XUÔI CỦA TA ĐÃ ĐỔI KHÁC NHIỀU

HOA-BẰNG

QUỐC-VĂN của ta xưa, trong thời kỳ hán-học đang thịnh, bị liệt vào hàng phụ-thuộc, nghĩa là phải «lép vế», đứng sau văn tàu

Vì cái hiểu-thượng sai-lầm ấy, nên quốc-văn gặp nhiều trở-lực rất lớn.

Từ đời Trần, 1225-1399, trở đi, tuy đã có nhiều người để ý đến quốc văn, nhưng thật ra, mới chỉ làm chơi những bài văn vần như thơ nôm, phú nôm mà thôi, chứ chưa ai đã chú trọng đến việc viết văn xuôi bằng quốc-ngữ.

Lịch-sử văn-học đã cho ta một chứng cớ rất vững-chắc :

Đến hồi Nguyễn sơ, 1802 - 1819, văn vần đã phát-đạt một cách khả quan : lục bát *thì đi được đến bước tuyệt diệu như* truyện Kiều ; văn tế *thì có những áng trầm-hùng như bài tế* Võ Tánh, Ngô tòng Chu *và bài tế* Trận võ tướng sĩ.

Thế mà trong tờ chỉ-truyền bằng tản văn của vua Gia-long đưa cho ông Nguyễn văn Thắng, (Jean Baptiste Chaigneau), chánh quản tàu Long-phi hồi năm 1802, văn dùng nửa chữ, nửa nôm, lỗ mỗ thô sơ, tỏ ra trình-độ văn xuôi của ta bấy giờ còn rất ấu-trĩ (1).

Tại sao ?

Tại ta ngày xưa không chịu luyện-tập văn xuôi.

Phải, trước hồi Pháp thuộc, ta rất lãnh đạm đối với văn xuôi. Từ trường học đến khoa thi, sĩ tử đều làm văn xuôi bằng chữ hán, từ công văn đến tư-khế, nhà nước đều cho dùng chữ nho mà viết văn xuôi ! Rất dỗi thư-từ đi lại giữa cá nhân với cá-nhân, phần nhiều cũng viết bằng hán-văn cả.

Không học rèn, dễ đâu trở nên thợ rèn ! Không luyện-tập, trách nào văn xuôi của mình chẳng non nớt !

∴

Mới đây, tôi có kiếm được bộ «Truyền kỳ mạn lục» (2) bằng mộc bản, trùng san từ mùa xuân năm Cảnh-hưng thứ hai mươi bốn, 1763, cách nay đã 179 năm.

Nguyên văn chữ hán là của Nguyễn Dữ tiên-sinh (3) Cái đó nhiều người đã biết. Duy có điều đáng chú ý là, trong bản khắc gỗ này, cứ dưới mỗi câu chữ nho thì lại có một câu dịch nghĩa bằng chữ nôm.

Vậy ai dịch ?

Tác-giả Nguyễn Dữ hay một nhà văn nào sau tiên-sinh ? Nay chưa de khảo được vì trong sách chỉ đề nhan là Tân biên truyền kỳ mạn lục, tăng bổ giải âm tập chú», *chứ không thấy chỗ nào đề tên người giải âm và tập chú.*

Như vậy nay ta chỉ có thể đoán: Trước bản trùng san này, bộ Truyền kỳ mạn lục *tất đã được in vào một năm nào rồi. Sau, người ta thấy sách này được nhiều người chú ý, nên, sau khi bán hết, lại trùng san, tức là lại khắc in lần nữa.*

Nhưng, lần này, nhà xuất bản vì muốn cho sách được phổ thông nơi dân-dã hơn, nên người ta cho thêm vào những lời dịch nôm và chú-thích những điển tích trong các truyện ở bộ Truyền kỳ mạn lục. *Vì vậy, cái nhan của bản trùng san này mới nêu những chữ «tân biên» và «tăng bổ».*

Nay ta thử so-sánh lối văn dịch từ năm 1763 ấy với năm 1942 nay, xem bước biến-thiên của tiếng nôm và sự đổi khác theo thời-gian trong nghệ-thuật dịch sách là thế nào.

Nguyên-văn chữ hán :

«Nguyễn-thị Diễm, Đông-sơn đại tính, Trần khát Chân chi tụng biểu muội dã, dữ Cẩm-giang, thương phụ Lý-thị đối khai phẩu-phố vu Tây-độ thành ngoại. Lân tị giao-

tiếp, tinh hiểu chuyền mật, nhiên câu vị hữu tử.

« Nhất nhật, tựu Hồ-công động, khất Linh, kỳ tự, Lý-thị vị Nguyễn thị viết :

« — Kim nhật chi sự bất ước nhi đồng, thẳng hương hỏa hữu duyên, tất dĩ tương phối, Bình hộ (4) nghị hôn, hà tất Thôi, Lư, Lý, Trịnh (5) ? Sơn-Thần tại bỉ, ngô bất thực ngôn.

«Dĩ nhi Nguyễn quả sinh nữ viết Lệ-nương ; Lý quả sinh nam viết Phật-sinh. Niên cập trưởng thành, câu hiếu chỉ bút ; dĩ phụ mẫu tương hậu chi cố, vãng lai vô gián ; mỗi hữu ngâm nga, tất tương xướng họa. Tuy sinh-kỳ vị định, lưỡng tình tư hứa, bất thí phu thê yên.

« Trần Kiến-tân Kỷ-mão, tao Khát-Chân chi họa, nữ toại nhập cung, sinh đại thất sở vọng...»

— Trích truyện *Lệ nương* trong *Truyền-kỳ mạn-lục* quyển IV tờ 25a-26b.

Sau khi đã đọc hết một đoạn nguyên văn chữ hán ấy rồi, xin mời bạn đọc thử coi những lời dịch nghĩa dưới đây của một nhà văn nàođó ở đời Lê sẽ thấy nhiều cái là-lạ cả từ tiếng nôm đến cú pháp và lối hành văn của đời bấy giờ :

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENTS CAO-DOT

chuyên bán buôn và nhận dệt khoán các thứ hàng nội-hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux-shantung, Lin, Faux trop.cal, Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô gạo, vân vân.

Nơi giao dịch :

N° 2, Rue Strassbourg, Haiphong

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0p50 bằng timbre để làm cước phí.

Nguyên dịch :

«Họ Nguyễn tên là Diễm, họ cả huyện Đông-sơn, *chưng* em gái họ *chênh* (?) hàng bên ngoại người Trần Khát-Chân vậy, cùng vợ «con buôn» ở huyện Cẩm-giàng là họ Lý, *đôi* mở phố phấn *chưng* ngoài Thành Tây-đô Láng giềng gần *giao-bén*, lòng yêu *quanh nhặt*, song điều chưa có con.

«Một ngày, đến động Hồ-công, xin Thần-linh cầu con, nàng họ Lý bảo nàng họ Nguyễn rằng :

«— Chúng ta *chưng* trong thành thị cùng biết nhau, *chưng* việc ngày rày chẳng hẹn mà cùng gặp, dầu hương lửa có duyên, ắt lấy cùng *đôi*. Cửa Trần - Bình cũng luận giá, nào lọ họ Thôi, họ Lư, họ Lý, họ Trịnh ? Sơn thần ở nơi kia, ta chẳng nói dối.

«*Đã mà* họ Nguyễn đẻ sinh con gái rằng nàng Lệ-nương ; họ Lý đẻ sinh con giai rằng chàng Phật sinh. Tuổi vừa đến *cả - nên*, điều yêu chỉ bút. Lấy *chưng* cớ cha-mẹ cùng hậu, đi lại chẳng có gián-cách, hằng có ngâm - ngợi, ắt cùng xướng họa.

« Tuy kỳ cưới chưa định, hai lòng tư, nghe chẳng khác vợ chồng vậy.

«Nhà Trần niên-hiệu Kiến-tân năm kỷ-mão, *kịp chưng* vạ người Khát-Chân, con gái họ Nguyễn bèn vào trong cung. Chàng Lý cả mất *thừa* lòng mong... »

— Phiên âm chữ nôm theo bản Truyền kỳ mạn lục, quyển IV, tờ 25a — 26b, in mộc-bản năm Lê Cảnh-hưng thứ hai mươi bốn, 1763

Xin các bạn để ý những chữ in ngả trong bản dịch trên. Nhân đó, ta nhận thấy mấy điểm này :

1. — Những tiếng « chi là chưng, sở là thừa », ở thời nho-học ngày xưa, rất được thông dụng. Ngay đến bây giờ những ông đồ cổ dạy học chữ nho ở vùng quê thôn hẻo-lánh cũng hãy còn dùng. Thế mà đối với thế-hệ mới này, những tiếng cổ ấy đã thành tiếng chết, không mấy ai dùng nữa. Chứng-cớ : trên mặt sách báo quốc-văn ngày nay, đố ai tìm thấy những tiếng dịch nghĩa « trái mùa » ấy.

2 — Ta xưa có lắm tiếng nôm để dịch chữ nho rất xát nghĩa, chẳng hạn như « giao tiếp » dịch là « giao bén », « mật » dịch là « nhặt ».

Lại như ở một truyện khác trong sách Truyền kỳ mạn lục ấy, cổ-nhân dịch « tả hữu » là « kẻ chiêu đăm » ; như thế rất hay và rất đúng, vì ta thường nói : « tay chiêu, tay đăm ». Nay dùng tiếng «chiêu đăm» mà dịch chữ «tả hữu» là những người ở bên tả, bên hữu thì còn gì khéo bằng.

Vậy bổn - phận bảo ta nay không nên bỏ phí những tiếng cổ đã sẵn có mà nó vẫn có cái giá-trị đáng quý, đáng bảo-tồn như những tiếng « giao bén » và « kẻ chiêu đăm » ấy.

3 — Cú pháp trong văn xuôi xưa hơi khác với bây giờ, như câu : « Nhà Trần niên-hiệu Kiến-tân năm Kỷ-mão » nếu ở bây giờ tất phải đảo ngược cả lại : Năm Kỷ-mão niên-hiệu Kiến-tân nhà Trần. Ấy cũng như lối xưa viết quê-quán một người nào, thường hay nói tỉnh trước rồi đến phủ, huyện, tổng, sau cùng mới đến xã ; trái hẳn với ngày nay, nói xã trước, rồi sau mới đến tổng, huyện, phủ, tỉnh.

Về lối đề ngày tháng cũng vậy. Xưa nói năm trước, rồi đến tháng và ngày sau. Bây giờ thì ai cũng nói ngày trước, rồi sau mới đến tháng, đến năm.

Cái cớ xuôi ngược lại sao xưa và nay khác nhau như thế,

tương cũng de biết. Đó vì ngày xưa, các cụ ta theo lối đặt câu của chữ nho, khi dịch văn hán, các cụ cứ theo chữ nào nghĩa ấy mà dịch ra, nên lối hành văn nó mới có vẻ « tàu » như thế.

Ngày nay chúng ta vừa thuận theo cái ngữ-khí tự-nhiên của tiếng mẹ đẻ, vừa dựa theo mẹo-mực văn tây, nên có lắm chỗ trái với lối hành-văn của các cụ.

Tôi xin dịch lại đoạn văn trong sách Truyền kỳ mạn lục *nói trên để làm chứng cho lời đó :*

« Nguyễn - thị - Diễm, người trong một họ lớn ở Đông sơn, là em gái họ ngoại của Trần Khát-Chân

« Nguyễn-thị cùng với Lý-thị, vợ người lái buôn ở Cẩm-giàng, mở đối nhà nhau một ngôi hàng phấn ở ngoài thành Tây-đô.

« Liền kề láng giềng, đôi bên đi lại, tình-hiếu trở nên thân-mật. Song, cả hai đều chưa có con.

« Một hôm, đến động Hồ-công, khấn Thần, cầu tự, Lý-thị bảo Nguyễn-thị rằng :

« — Chúng ta ở nơi thành-thị quen biết nhau, việc ngày nay không hẹn mà cùng làm, vì bằng hương lửa có duyên thì tất phải gả con cho nhau. Chúng ta liệu cơm gắp mắm như truyện Trần Bình, chứ tội gì dũa mốc lại chòi mâm son với Thôi, Lư, Lý, Trịnh? Nói có Sơn-thần ở kia, tôi kh ông ăn lời đâu

«Rồi ra, Nguyễn quả sinh con gái, đặt tên là Lê-nương ; Lý quả đẻ con trai, gọi là Phật-sinh.

« Hai trẻ lớn lên, đều ham văn học. Vì cớ hai bên cha mẹ tử-tế với nhau, nên đôi trẻ thường năng đi lại không lúc nào xa cách ; mỗi khi ngâm nga thì tất cùng nhau ướng họa. Tuy chưa định kỳ cưới gả, nhưng đôi tình đã ngầm cùng hứa-hẹn, chẳng khác vợ chồng.

« Năm Kỷ-mão (1399), niên-hiệu Kiến-tân đời Trần, vì can vào vụ Khát-Chân, Lệ-nương phải sung vào cung ; sinh thất vọng quá đỗi ! . . . »

.·.

Một điều rất dễ nhận thấy : bản dịch cổ theo hệt lối hành-văn chữ nho, ứng dùng cái thể « tỉnh văn », nên trong một câu, thường hay trốn những tiếng chủ-ngữ và những tiếng túc-từ. Vì vậy, câu văn thường có cái nạn tối nghĩa, lẫn ý và không minh-bạch rạch-ròi.

Ngày nay văn-phạm không cho phép ta như vậy, nên trong khi tôi dịch, bổn phận buộc phải làm cho rõ nghĩa và đủ ý nhưng không sai mất tinh-thần ngu yên-văn. Vì muốn đạt cái mục-đích ấy, nên không dám theo cổ-nhân mà chơi cái lối hay trốn chủ-ngữ, trốn túc - từ quá nhiều như thế được.

.·.

Có mấy bạn thân thường nói với tôi :

— Quốc văn, có thể nói thế nào thì viết thế ấy. *Và :*

— Ta nay không cần theo mẹo tây, không nên hành - văn một cách mới quá.

Tôi tưởng, để trả lời các bạn, một bài này cũng gần đủ rồi

HOA-BẰNG

---

1) Nguyên văn bài chỉ truyền ấy như dưới :

« Chỉ-truyền chánh quản Long-phi tàu khâm sai thuộc nội Cai-cơ Thắng tài hầu khâm trí :

« Do nay có sai công tôn là cai-đội Liêm-chính hầu về nghênh hậu đức Quốc mẫu ngự hồi Phú-xuân kinh. Nhân thử hợp truyền khanh nghi chỉnh sức bổn-phận sở quản tiêu-chỉ.h nhất thiết đinh-đáng, trình lưu-trấn quan trang-tài quân-lương quan vật trực đãi mỗ nhật đức Quốc-mẫu giá hồi thì khanh nghi quản bản-phận tàu tòng đoàn hộ-vệ kẻo hải-trình gian hiểm. Thiết nghi thập phần chu-mật, thập phần thỏa-đáng dĩ phó sở ủy. Khâm tai, đặc truyền !

« Cảnh-hưng lục thập tam niên 1802 tam nguyệt, thập bát nhật ».

— Theo tài liệu bày ở khu lịch sử kỳ Hội chợ Hà nội 1941, do bạn Trục Khê sao lại.

(Phụ chú : Niên hiệu Cảnh hưng chỉ đến năm thứ 47 là hết. Nhưng, chúa Nguyễn Ánh vẫn theo chính sóc nhà Lê cho đến khi đặt hiệu Gia long, nên trong bản chỉ truyền này mới đề niên hiệu nhà Lê như thế).

2·) Bộ « Truyền-kỳ mạn lục » này là sách của ông nhạc tôi, Trúc Khanh Vũ-Đình-Lương tiên-sinh, một nhà túc-nho thuộc thế hệ trước. Viết bài này, tôi xin kính tặng tiềm linh tiên-sinh, bậc tiền bối đã thận trọng yêu-qui sách ấy.

3·) Nguyễn Dữ người làng Đỗ - tùng, huyện Gia - phúc thuộc Hồng châu ở Hải dương, nay là làng Đỗ lâm, huyện Gia-lộc, phủ Ninh giang, tỉnh Hải dương, con trưởng ông nghè Nguyễn Tường Phiêu (đồng tiến sĩ khoa bính dần, năm Lê Hồng Đức thứ hai mươi bảy, 1496).

Thủa trẻ, Nguyễn Dữ chăm học, đọc rộng, nhớ dai, muốn lấy văn chương để nối nghiệp nhà. Sau khi đỗ ở trường hương rồi, ông có đi thi hội mấy khoa cũng được vào nhất nhị trường cả.

Ngồi tri huyện ở Thanh tuyền được một năm, ông từ chức về nhà nuôi mẹ. Trải mấy thu, chân ông không bước đến nơi kẻ chợ.

Ông bấy giờ mới làm sách *Truyền kỳ mạn lục* này để ngụ ý mình.

—*Theo tài-liệu trong bài tựa ở đầu sách* Truyền kỳ mạn lục, *mộc-bản, đã nói trên, của khuyết danh.*

4·) Trần-Bình lớn lên, muốn hỏi vợ, chẳng dám nào xong. Sau có ông nhà giàu là Trương-Phụ vui lòng gả con gái cho Bình vì biết trước rằng bây giờ Bình tuy nghèo hèn, nhưng sau có thể làm nên được.

5·) Đời Đường Thái Tông có mấy họ Thôi, Lư, Lý, Trịnh, trong việc cưới gả, thường hay thách thức nhiều tiền và đồ tệ bạch, người đời gọi là « đám cưới quyền-qui ».

Bia văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 43 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

HAI mươi bảy người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất-thân trong khoa ất-mùi, 1475, năm Hồng-đức thứ sáu, đời vua Lê Thánh-tôn.

1. — Đỗ-Vinh, người xã Hồng lục, huyện Trường-tân, phủ Hạ - hồng, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Công - khoa cấp sự-trung (chép theo *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20b, *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 36a).

2. — Phan-phúc-Cẩn, người xã An-việt-hạ, huyện La-giang, sau đổi là La-sơn, phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ - an. Có tiếng thần đồng : mười - tám tuổi đỗ đồng tiến-sĩ. Làm quan đến Tham-chính. Là anh Phan dư-Khánh, đỗ năm 1481 : anh em cùng làm quan một triều *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20b ; *Đăng khoa bị khảo*, thu - tập trung, tờ 18b.

3 — Nguyễn-duy-Tiếu, người xã Đông lai, huyện Vĩnh-lại, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương.

4 — Nguyễn-ấu-Miễn, người xã Lâm-dương, huyện Quế-dương, phủ Từ sơn, tỉnh Kinh-bắc tức là Bắc ninh bây giờ. Làm quan đến thượng thư *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 21a ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh bắc, tờ 11b.

5. — Nguyễn quan Hiền, người xã Vĩnh kỳ, huyện Từ liêm, phủ Quốc oai, tỉnh Sơn tây. Đỗ đồng tiến sĩ năm hai mươi chín tuổi. Năm mậu ngọ 1498, hiệu Cảnh thống thứ nhất, phụng mệnh sung chức chánh sứ cống bộ. Năm ấy ông làm Hình bộ tả thị lang, có tâu vua Lê Hiến tôn rằng : «Ngày 11 tháng năm, các hạng quân lính đều được chia phiên về làm ruộng mà ngục tốt ở Ngũ hình ty ngục sở, hãy còn lưu lại sai khiến : như thế thì không được quân bình, xin từ nay ngục tốt cũng được chia phiên về làm ruộng, cũng như lệ quân lính». Vua nghe theo. » *Khâm định việt sử*, quyển 24, tờ 29b. Mùa xuân năm Nhâm tuất, 1502, ông Hiền thăng Hình bộ hữu thị lang chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn tây, tờ 3b. *Đăng khoa lục* sách in, quyển 1, tờ 21a, chép ông làm đến tả thị lang.

6. — Hoàng Thiệu, người xã Tây-mỗ, huyện Từ-liêm, phủ Quốc - oai, tỉnh Sơn-tây. Nhà ở xã Yên-lũng. Năm ba-mươi ba tuổi đỗ đồng tiến-sĩ. Mùa đông năm ất-tỵ 1485, làm quan Lại - bộ đô cấp-sự trung, vâng mệnh làm những chức thuế-sứ và dịch - thừa. Theo lệ thăng-thuyên, được thăng làm Hình bộ thượng-thư, rồi về hưu. *Đăng khoa bị khảo* thu tập thượng, tờ 3b.

7. — Đỗ Nhưỡng, người xã Phần tỉnh, huyện Ngọc sơn, phủ Tĩnh ninh,

8. — Nguyễn minh Khang, người xã Phúc hải, huyện Ngự thiên, phủ Tân hưng, Tiên hưng, tỉnh Sơn nam. Năm ba mươi ba tuổi đỗ đồng tiến sĩ. Làm quan đến Hữu thị lang *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 21 a ; *Đăng khoa bị khảo* quyển Sơn nam tờ 88a.

9 — Nguyễn Trinh, người xã Sơn Đông, huyện Lập thạch, phủ Tam đái, tỉnh Sơn tây. Năm hai mươi chín tuổi đỗ đồng tiến sĩ. Có sức khỏe, làm Đô lực sĩ. Làm quan đến Lại bộ thượng thư. Ông là anh Nguyễn tư Phúc, là em Nguyễn Tộ. Nguyễn tư Phúc cùng đỗ khoa này Nguyễn Tộ đỗ đệ nhị giáp khoa 1472 *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 21a ; *Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 55b.

10. — Vũ triệu Dung, người xã Tô xuyên, huyện Phụ dực, — sau là Phụ phượng — phủ Thái bình. Năm ba mươi tư tuổi, đỗ đồng tiến sĩ. Làm quan đến thị lang *Đăng khoa bị khảo* quyển Sơn nam, tờ 4a,

11. — Nguyễn Củng, người xã Cập nhất, huyện Bình hà, sau là Thanh hà, phủ Nam sách. Làm quan đến thượng thư *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 21 ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải dương, tờ 72 a).

12. — Nguyễn Dịch, người xã Kim đôi, huyện Vũ ninh, phủ Từ sơn tỉnh Kinh bắc. Năm mươi tám tuổi, đỗ đồng tiến sĩ. Làm quan đến Hàn lâm viện hiệu thảo, Em Nhân Bị, Xung xác, Nhân Thiếp và Nhân Dư. Nhân Thiếp, Nhân Bị đỗ tiến sĩ năm 1466 ; Xung xác đỗ năm 1469 ; Nhân Dư đỗ năm 1472. Ông Nguyễn Dịch là cha Hoằng Khoản, chú Dũng Nghĩa, Nguyễn vân, Nguyễn Kính và Củng Thuận. Anh em cha con chú cháu làm quan một triều. Ông là tụng tổ Nguyễn đức Lượng *Đăng khoa bị khảo* quyển Kinh bắc, tờ 3b.

Còn nữa

Ứng-hòe Nguyễn-văn-Tố

Thống chế Pétain đã nói :

« Xưa nay chỉ có một nước Pháp, đó là nước Pháp đã giao cho bản chức sự cứu-vãn và mối hy-vọng. Các người phải theo bản chức mà hết lòng phụng-sự nước Pháp. Chỉ còn cách ấy mới giữ được quốc-vận ».

Hai quyển sách cần cho ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho mà muốn biết thêm :

Chữ nho học lấy — *Cử nhân* Dương Bá-Trạc *soạn* — Giá 1p — Cước 0p12

Mẹo chữ hán — Bùi Trình-Khiêm *soạn* — Giá 0p35 — Cước 0p06

Đề cho : hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi

Ai muốn viết thư trao đổi ý kiến về các vấn đề tinh thần xin gửi đến

Monsieur ***Tử-Hải***

Boite postale no 74—Saigon

Y-học thường-thức

LỊCH-SỬ BỊNH LAO

của Bác-sĩ LÊ VĂN-NGÔN

TRÓT hai ngàn năm nay, mắt mù tai điếc bên cạnh bịnh-nhơn, các Y-Sĩ chỉ biết khẩn cầu Tổ-sư Hippocrate. Cửa Y-Học vẫn đóng chặt dẫu họ mãi kêu gọi bên ngoài, Ông Laennec đã tìm được thìa khóa. ông đã mở toác cửa ấy và nối gót ông, các, Y-Sĩ chẳng ngớt khai khẩn cõi đất minh-mông này.

Depuis 2000 ans les Médecins se tenaient comme des aveugles et des sourds auprès des malades en invoqant le nom d'Hippocrate. Ils frappaient à la porte de la Médecine mais elle demeurait close. Laennec en a trouvé la clé. Cette porte, il l'a ouverte toute grande et l on n'a plus cessé après lui de défricher ce vaste domaine.

Inciption sur le fronton de l hôpital Laennec à Paris

Ấn trái phải nhớ kẻ trồng cây.

Ngày nay, lương-y biết « nghe » phổi, biết rọi phổi, biết bơm phổi, biết cách tiếp dưỡng người bị lao một cách chu-đáo, ngày nay người người đều biết phương-pháp ngừa lao ai nấy phải nhớ tên những nhà bác-học đã gia tâm nghiên-cứu bịnh lao, đã nát trí sưu-tầm phương thuốc giỏi, cách trị hay để đỡ khổ cho những kẻ rủi vướng nhằm nó.

Muốn cho thủa thủa không quên, muốn cho đời đời nhắc nhỏ, Y-học Thái-tây hay cho một chứng bịnh hay một thứ vi-trùng mang cái tên của nhà bác học đã tìm kiếm đặng nó. Bởi thế nên vi-trùng bịnh thương-hàn (typhoide) kêu là vi-trùng Eberth, bịnh nhức khớp sương kêu là bịnh Bouillurd, cách bơm phổi kêu là phương-pháp Forlanini. Trong một bịnh như lao mà sách nghiên-cứu có đến hàng muôn hàng vạn, tôi không thể kể hết tên các bực tiền bối đã đem tới những viên đá vừa chắc vừa đẹp mà xây cao đắp vững nền Y-học nhưng tôi không được không nhắc đến những nhà bác học có biệt tài đã dày công khảo cứu về lao vì họ là đại ân nhân của nhơn-loại.

.·.

Bịnh lao có lẽ đã có từ thuở mới tạo thiên lập địa, nhiều nhà bác học Đức trong dịp đi khảo-cổ ở Ai-cập vì bên ấy thuở xưa rất văn-minh, biết dùng thuốc tẩm thây người để đến muôn đời không tan dã — có thấy dấu tích bịnh nầy trên những cái thây chôn đã ba ngàn năm về trước.

Tuy vậy bên Âu-châu không có sách nào về thời thái cổ nói rõ bịnh này mà còn lưu-truyền lại đến nay.

Bên Ấn-độ, trong quyển *Ayurveda*, có cả một chương nói về bệnh lao. Ấy là quyển sách về lao xưa hơn hết do Sucruta viết ra. Không thể biết chắc Sucruta sống về đời nào, nhưng có lẽ cũng trót ngàn năm trước Thiên-Chúa giáng sanh. Bịnh lao có tên Ấn là Rajayakshma hay Sosha, trước Sucruta, ai cũng cho bịnh này do ma quỉ bắt mà sanh ra, nên họ chỉ cầu trời khấn phật. Lần đầu tiên, Sucruta chỉ rằng bịnh lao là bởi phổi đau, chứ không phải là bởi ma quỉ khuấy phá.

Sau Sucruta, lương-y Ai-cập, Ba-tư, Tàu cũng có sách viết nói về lao, nhưng viết một cách mập mờ Họ chỉ biết bịnh lao sanh chứng ho, khạc ra máu, ốm.

Phải đợi qua tới Hippocrate (Người Hi-lạp, sanh năm 460 trước Tây-lịch) ta mới thấy tả bịnh lao một cách đứng đắn. Đây là vị lương-y trước nhứt xem mạch với một phương-pháp riêng chắc-chắn; thầy thuốc Âu-Mỹ hiện thời tôn Hippocrate làm tổ-sư thật cũng phải lắm.

Cũng trước ai hết, ông cho lao là một bệnh di-truyền. Ông nói rằng: « Người bị lao có cha mẹ bị lao » Trong quyển *« De la maladie sacrée »*, ông nói rõ những chứng trạng của bịnh lao như ta biết bây giờ. Ông dạy phải kề tai sát ngực mà nghe. Nhờ phương-pháp nầy người ta nghe đặng tiếng của màng phổi kêu khi bị bịnh (frottements pleuraux) và tiếng lốc-cốc nho nhỏ trong màng phổi có khí nước và khí trời ở chung (succussion hippocratique),

Từ đó đến thế kỷ 19, người ta còn dùng nhiều phương-pháp của ông chỉ bịnh phổi.

Sau Hippocrate nảy ra một lương-y có thiên tài là Galien (131-201), cũng người Hi-lạp. Hồi 33 tuổi ông qua ngụ tại thành La-mã và từ đó ông đặng nổi danh. Theo ông, bịnh lao sinh ra bởi phổi bị rách. (*Phtisis est ulceratio pulmonis, vel thoracis, vel fauciu*m...) Trái với Hippocrate, ông cho bịnh lao là truyền nhiễm. Vì ông không nhận lao là bịnh di truyền như ông Hippocrate mà thời bấy giờ có câu *Hip thì bảo phải, Ga thì bảo không* » (Hippocrate dit oui, mais Galien dit non) để chứng tỏ sự tương phản đó.

Ông Galien nói ; « Ở chung với người bị lao và ở chung với những người có hơi thở hôi-thối là một việc hiểm nghèo » Ông cho nó là bệnh nan-y và ông giải tại sao : Bất luận chỗ lở lói nào, bất luận chỗ đứt khuyết nào cũng cần nên để yên hầu được lành lại thương tích. Mà đây buồng phổi lại phải luôn luôn chuyển động » Thấy gần hai ngàn năm-sau, khoa học mới phát minh cách bôm phổi cốt để cho phổi nghỉ, ta há không hết sức ngạc nhiên và hết lòng kính phục ông hay sao ?

Nhờ người Á - rập ở phương đông và mấy nhà tu (monastères) ở phương tây mà mấy sách ấy còn lưu truyền đến ta ngày nay.

Từ đó tới thế kỷ 19, trải một ngàn sáu trăm năm, lương - y cả hoàn cầu, nào Âu, Mỹ, nào Ấn, Tầu — mà nhứt là Người Âu — Tận tâm nghiên-cứu về lao. Vô số sách về lao đưa ra chào đời, nhưng không ai phát minh điều chi đáng để ý Cách hiểu biết bịnh tình và cách coi mạch rất mờ-hồ, lộn sộn, cách điều trị cũng quanh đi quẩn lại có bấy nhiêu đó.

Qua thế kỷ 19 mới có nhiều sự mới mẻ, nhơn loại mới thấy ra đời ba lương - y đại tài :

Laennec
Villemin
và Koch.

Ngày nay mỗi khi ta thấy lương y đặt ống nghe phổi, ta phải nhớ đến Laennec vì ông là người đã phát minh ra nó. Năm 1816, ông đi chơi trong vườn Tuileries ở Paris, ông thấy hai đứa con nít đứng chơi ở hai đầu một khúc gỗ dài một đứa rạch đầu cây với một cây đinh, đứa kia kề tai nghe rồi reo lên rằng nó nghe t ống rạch của mũi đinh. Cuộc chứng kiến tình cờ ấy làm nảy nở trong trí-não nhà bác-học ta một cách khám bịnh mà ông đang tìm kiếm.

Bao nhiêu lần ông đã đặt ỗ tai lên ngực người bịnh ông không nghe tỏ rõ đặng, lắm khi vì sợ khiếm-nhã, ông không dám kề sát tai vào ngực đàn bà đặng nghe trái tim nhảy. Đâu ông hãy bắt chước thử cái chơi của hai đứa trẻ con này xem ra sao.

Ông lật đật lại nhà thương lấy một xấp g ấy cuốn tròn lại rồi đặt một đầu lên ngực người bịnh, một đầu kề khích lỗ tai. Ồ, quái lạ ! ông nghe rõ tiếng nhảy của trái tim, hơi thở của phổi Có lẽ lúc ấy khắp cả châu thân ông đều rởn óc vì ông bắt gặp một sự bất-ngờ ; trí não ông hồi đó quả thật sung-sướng.

Ông biểu thợ tiện cây ra hình cuốn g ấy, từ đó cái ống nghe ra đời. Nay lương-y hãy còn bắt chước ông mà dùng và sẽ còn dùng mãi mãi.

Ngót 2000 năm sau ông Hippocrate, ít ai để ý đến sự nghe phổi. Vậy nên khi Laennec tuyên-bố sự mới mẻ này, tự nhiên ông bị kích bác kịch liệt, Nhưng ông cứ lo làm việc lấy một mình Năm 1819 ông cho ra cuốn sách « *Phương-pháp chính - chẩn* » (*Traité de l'Auscultation médicale*)

Nhờ cách co mạch mới nầy, ông học được bịnh phổi một cách rất đứng đắn ; những chứng trạng của ông tả ra đến nay vẫn có ít chi sai chạy.

Ông Laennec là người Pháp, gốc ở miền Tây-Bắc. Ông bị lao mà mất, thọ được 45 tuổi.

⁂

Một năm sau khi ông Laennec mất (1826), cũng bên Pháp ra đời một thiên tài khác : Villemin.

Từ trước tới đây, phần đông lương y cho bệnh lao là di truyền vì lắm khi vợ chồng con cái một gia đình đều bị lao Họ tưởng rằng một cơ thể yếu đuối, suy bại bởi một nguyên nhân nào — như khổ cực, ăn uống thiếu thốn, nó rét, bệnh nay bệnh nọ,... — đã đủ cho bệnh lao phát triển được. Bác-sĩ Peter nói rằng : « Nếu thiếu sự bổ dưỡng thì bịnh lao có thể phát sanh,

Người ta rất lấy làm kinh-ngạc, ngày 5 Décembre 1865, khi nghe ông Villemin nói trước Y-khoa Học-viện rằng : «Bịnh lao có thể sang từ người nầy qua người khác được. Nếu ta lấy đàm của người bị lao mà tiêm cho thỏ mạnh, thỏ sẽ bị lao. Nếu ta lấy phổi, hạch của thỏ bị lao đâm nhỏ mà tiêm cho thỏ mạnh khác, thỏ khác cũng sẽ bị lao. Bởi thế bịnh lao là một bịnh truyền-nhiễm.

« Chẳng có sự suy - nhược, sự mệt nhọc, sự khốn-khổ, sự lạnh-lẽo hay sự nóng-bức nào có thể làm nảy-nở bịnh lao trong cơ thể được Bịnh muốn phát sanh, cần phải có một mầm ,giống».

Theo ông, nhà cửa của người bị lao ở cần phải tẩy uế.

Ngày nay, đọc lại mấy câu ấy, bạn đọc có lấy làm ngạc - nhiên không ? Vì hồi bấy giờ và cả ông Pasteur, chưa ai biết vi-trùng là gì. Mãi đến mười bảy năm sau, năm 1882 ông KOCH (người Đức) mới kiếm đặng vi-trùng lao Bấy giờ người ta mới thấy rõ - ràng rằng mấy lời của ông Villemin đều có bằng-cớ chắc-chắn Nhờ sự phát minh của Villemin và Koch, người ta mới lần-lần tìm được phương-pháp ngừa lao, giết vi-trùng.

⁂

Năm 1895, ông Roentgen, người Đức kiếm ra đặng Quang-tuyến x Rayns x và từ năm 1898 máy rọi phổi bắt đầu ra đời.

⁂

Cũng bên Đức năm 1856 thì ông Brehmer, năm 1880, thì ông Dot weiller dạy rằng người bịnh cần

Xem tiếp trang 10

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 48 Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

Kim Vân Kiều

bài nối

Cụ Kiều-oánh-Mậu chép câu 432 theo kinh-bản (*Đoạn-trường tân thanh*, tờ 11b) như sau này :

Xăm-xăm băng nẻo *vườn khua một mình.*

Quan - văn - Đường chép là « *đè lối* » ; Ông Nguyễn-văn-Vĩnh chép là « băng *lối* ».

Ngọn đèn trông lọt *trướng* bình *hắt hiu.*

Cụ Kiều-oánh-Mậu dẫn câu ; « Đăng tiền quang dạng, cách trứ bình phong. Vậy thì nên theo kinh bản chép chữ *trướng bình.*

Sinh còn *tựa án thiu thiu.*

Các bản nôm khác chép là « Sinh *vừa* ».

Tiếng sen sẽ động giấc hòe.

Ông Vĩnh đọc là « Tiếng sen *xẩy* động giấc hoè ». Bản nôm viết chữ *sẽ*, thì đọc là *sẽ* hoặc đọc là *xẩy* cũng được. Nhưng câu này đọc là *sẽ* thì phải nghĩa hơn, vì « tiếng sen » là tiếng chân của Kiều đi se sẽ đến với Kim-trọng.

Mới có bán ;

TẬP KIỀU

của Tú-Poanh

Trình bày rất ưa nhìn. Có 8 phụ bản của Nguyễn Đức Nùng Giá 1p00

BỆNH THỜI ĐẠI

của Phạm Ngọc-Khôi

Thứ bệnh tinh thần đã *từng đầu độc* mấy lớp thanh niên đất Việt (Loại « Đạo làm người ») Giá 0p55

Còn một số ít : *Bà Quận - Mỹ* của *Chu - Thiên*
Răng đen của *Anh - Thơ*

Đang in ; *Thanh lịch* của *Vân Đài*
«Thu» thơ của *Đỗ-Cẩm-Vân*

«Thu» là cả một bản đàn tha thiết âm điệu tân kỳ. *«Thu»* tập thơ đầu của một thi sĩ có nguồn cảm hứng riêng biệt *Bản thường : 2p50. Bản quý : 8p00*

Nhà NGUYỄN DU xuất bản

Đường 206bis *số 11, Hà-nội*

Băng-khuâng đỉnh giáp non thần,
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.

Quyển *Kim-Vân-Kiều truyện* chú — sách viết của Trường Bác-cổ, số A B 233, tờ 38a, — chép rằng : « Nghe vua ở xa đến, xin dâng chăn gối » Khi từ biệt thì nói rằng : « Thiếp là thần núi Vu-sơn tức là Vu-giáp sớm làm mây tối làm mưa ; sớm nào tối nào cũng ở dưới Dương - đài. » *Hội chân ký* chép ; « Trương-sinh đến hiên ngủ một mình, chợt có người đánh thức dậy, thì ra Hồng nương đã đến, vỗ vào Trương mà nói rằng : « Tôi đã đến, tôi đã đến, ngủ làm gì nữa ! » Ấn vào chẩn một cái, rồi đi, Trương-sinh mở mắt «mở mắt nhìn lâu, còn ngờ giấc mộng » Dưới kia có dẫn bài *Hội-chân-ký*.

Bây giờ rõ mặt đôi ta.

Ông Vĩnh đọc là « *tỏ mặt* »

Tóc mây một món, *dao vàng chia* đôi.

Quan-văn-Đường chép là : « Tóc mây một *cuốn*, dao vàng một *đôi* » Quyển chú - thích chép là Tóc mây một *món*, dao vàng chia *hai* ».

Bấy lâu nay một chút *lòng* chưa *cam* !

Quan-văn-Đường chép là : «... một *tấm* lòng *đã* cam ! »

Xin *điều nguyệt nọ hoa kia.*

Đó là theo kinh bản. Các bản nôm khác và bản quốc-ngữ chép là : *Đừng* điều nguyệt nọ hoa kia

Nàng rằng : « *Nghề mọn riêng tây* »

Quyển chú thích chép là : « Nghề mọn *trong tay* » Ông Vĩnh chép là : « *riêng* tay »

Lựa *dần dây vũ dây văn.*

Quan-văn Đường chép là :

« *So* dần dây Vũ dây Văn »

Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.

Cụ Kiều-oánh-Mậu nói sách *Hán thư* có chữ « Thiết mã kim qua », nghĩa là ngựa sắt giáo vàng « tiếng sắt tiếng vàng » là tiếng ngựa, tiếng giáo.

Qua quan này khúc Chiêu quân.

Quyển *Kim-Vân-Kiều truyện chú* chép rằng : « Khi bà Chiêu-quân phải sang Hung-nô, đi đường sầu oán, ngồi trên ngựa gẩy khúc tì-bà để tả lòng hờn giận, đến nay còn truyền là khúc *Chiêu-quân oan*. Thơ Đỗ-Phủ có câu : « Thiên-cổ tì-bà tác Hồ ngữ, Trí kim oán hận khúc trung luân » nghĩa là nghìn xưa khúc tì-bà làm theo tiếng mọi đến nay lòng oán hận hãy còn rõ ràng ở trong khúc ấy »

Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,

Xem tiếp trang 20

DỊCH THƠ TAY

La mort du Loup

A. De Vigny

Les nuages couraient sur la lune enflammée
Comme sur l'incendie on voit fuir la fumée
Et les bois étaient noirs jusques à l'horizon.
Nous marchions, sans parler, dans l'humide gazon,
Dans la bruyère épaisse et dans les hautes brandes,
Lorsque, sous les sapins pareils à ceux des Landes,
Nous avons aperçu les grands ongles marqués
Par les loups voyageurs que nous avions traqués.
Nous avons écouté, retenant notre haleine
Et le pas suspendu. Ni le bois, ni la plaine
Ne poussaient un soupir dans les airs : seulement
La girouette en deuil criait au firmament ;
Car le vent, élevé bien au-dessus des terres,
N'effleurait de ses pieds que les tours solitaires,
Et les chênes d'en bas contre les rocs penchés,
Sur leurs coudes semblaient endormis et couchés.
Rien ne bruissait donc, lorsque, baissant la tête,
Le plus vieux des chasseurs qui s'étaient mis en quête
A regardé le sable en s'y couchant ; bientôt,
Lui que jamais ici l'on ne vit en défaut,
A déclaré tout bas que ces marques récentes
Annonçaient la démarche et les griffes puissantes
De deux grands loups cerviers et de deux louvetaux.
Nous avons tous alors préparé nos couteaux.
Et cachant nos fusils et leurs lueurs trop blanches,
Nous allions pas à pas en écartant les branches.
Trois s'arrêtent, et moi, cherchant ce qu'ils voyaient,
J'aperçois tout à coup deux yeux qui flamboyaient,
Et je vois au delà quatre formes légères
Qui dansaient sous la lune au milieu des bruyères,
Comme font chaque jour, à grand bruit, sous nos yeux
Quand le maître revient, les lévriers joyeux.
Leur forme était semblable et semblable la danse
Mais les enfants du loup se jouaient en silence,
Sachant bien qu'à deux pas, ne dormant qu'à demi,
Se cache dans ses murs l'homme, leur ennemi.
Le père était debout, et plus loin, contre un arbre
Sa louve reposait comme celle de marbre
Qu'adoraient les Romains, et dont les flancs velus
Couvaient les demi-dieux Rémus et Romulus.
Le loup vient et s'assied, les deux jambes dressées,
Par leurs ongles crochus dans le sable enfoncées.
Il est jugé perdu puisqu'il était surpris,
Sa retraite coupée et tous ses chemins pris ;
Alors il a saisi, dans sa gueule brûlante,
Du chien le plus hardi la gorge pantelante
Et n'a pas desserré ses mâchoires de fer,
Malgré nos coups de feu qui traversaient sa chair,
Et nos couteaux aigus qui comme des tenailles,
Se croisaient en plongeant dans ses larges entrailles
Jusqu'au dernier moment où le chien étranglé,
Mort longtemps avant lui, sous ses pieds a roulé.
Le loup le quite alors et puis il nous regarde,
Les couteaux lui restaient au flanc jusqu'à la garde,
Le clouant au gazon tout baigné dans son sang ;
Nos fusils l'entouraient en sinistre croissant :
Il nous regarde encore, ensuite il se recouche,
Tout en léchant le sang répandu sur sa bouche,
Et sans daigner savoir comment il a péri
Refermant ses grands yeux, meurt sans jeter un cri,

(à suivre)

Cái chết của chó sói

CÁCH CHI *phiên-dịch*

Vầng giăng đỏ, mây đen bay khuất,
Như lửa to, khói ngất bốc cao.
Rừng đen, đen sam một màu,
Dưới chân cỏ ướt, trên đầu gai đâm.
Ban liệp hộ, miệng câm, chân bước,
Bỗng dưới thông trăm thước nghênh ngang,
Còn in vết móng rõ ràng
Của đàn sói lạc, ta đang theo dò.
Liền dừng bước, nín hơi, nghe ngóng
Khắp rừng sâu, đồng rộng, như tờ,
Vòm giời chim-đắm trong mơ,
Cây phong-trâm khéo ngẩn-ngơ kêu sầu.
Chừng đi gió lượn đầu đỉnh Giáp,
Chỉ lướt qua ngọn tháp trơ-vơ.
Răng sồi dựa đá, nằm mơ,
Gối đầu trên khuỷu tay chờ hơi thu
Không một tiếng sẽ du hồn lạc.
Trong bọn săn rải-rác trông tìm,
Có người lão liệp lặng im
Phục nằm xuống cát, xét xem kỹ-càng.
Xưa nay vốn chưa từng nhầm lẫn,
Lão sẽ rằng: «Này hẳn không sai
Lốt móng khỏe, bước chân dài
Của hai sói núi qua đây vừa rồi,
Lại có cả một đôi sói nhỏ.
Dao nhọn liền rút vỏ sẵn sàng,
Súng che khỏi ánh sáng troang,
Chân dò từng bước, tay nâng từng cành.
Được mấy bước, ba anh đứng lại,
Tôi liền trông xem cái gì đây;
Bỗng đâu hai mắt sáng ngời,
Đằng xa có bóng hai đôi nhẹ-nhàng
Đương nhảy nhót dưới giăng, trong cỏ,
Trông hệt như một lũ chó nhà,
Những khi chủ vắng hồi gia,
Lăng-săng, ông-ổng, nhảy ra đón mừng.
Bộ như một, hình-dung như một,
Duy sói con nhảy nhót lặng thinh,
Vì chưng chúng đã rõ tình,
Giống người vốn vẫn ghét mình xưa nay,
Hiện giờ chỉ cách đây mấy bước,
Nằm trong nhà, vẫn chực rình nhau.
Bấy giờ sói sững đứng cao,
Đằng kia con cái tựa vào gốc cây,
Nằm phục vị như tấy chó đá
Người ta thường dựng ở cổng đình.
Thấy người, sói đến lặng thinh,

xem tiếp trang 16

Phê-bình

« NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI »

của Vũ Ngọc-Phan

KIỀU THANH-QUẾ viết

THẾ nào là nhà văn?

Ở đầu tác-phẩm mình, Vũ-ngọc-Phan định nghĩa:

« Nhà văn theo nghĩa tôi dùng đây là những người viết văn xuôi hay văn vần có tính-cách vĩnh viễn, đăng trong các báo chí hay trong những sách đã xuất-bản, mà điều cốt yếu là những văn phẩm của họ đã được người đồng thời chú ý. Về điều này, nhà viết báo khác nhà văn ở chỗ chỉ viết rặt những bài về thời sự có tính chất riêng hẳn về chính-trị, tôn giáo, kinh-tế hay xã-hội, nói tóm lại, về tất cả những vấn-đề không có tính cách văn chương và chỉ có ý nghĩa, giá trị trong một thời gian rất ngắn. »

Định nghĩa như thế. Vũ ngọc Phan chỉ mới có phân biệt nhà văn với nhà báo thôi! Ông còn quên cho độc giả rõ thế nào là nhà văn, thế nào là nhà bác học?

Sự phân biệt sau này mới tối cần!

Nhà văn là nhà sáng tác. Nhà bác học là bực học rộng, chuyên biên khảo, dịch thuật, chớ không có sáng tác nào đáng kể.

Một Balzac, một Tola, một Vũ trọng Phụng là nhà văn. Một Littré, một Trương-Vĩnh-Ký là nhà bác-học.

Không phân biệt được nhà văn với nhà bác học, Vũ ngọc Phan đem nhà bác học Trương-Vĩnh-Ký vào quyển nhất bộ *Nhà văn hiện đại*.

Cho Trương Vĩnh-Ký là tiên hiền hay là gì gì cũng được, chớ gọi là nhà văn, thì ý nghĩa tiếng « nhà văn » xuyên tạc lắm vậy!

Đố ai tầm được trong một quyển văn học sử nước Pháp nào có tên Littré!

Littré là nhà bác học. Lanson bảo không nên bao giờ đem tên Littré vào một bộ văn học sử Pháp nào cả. Lanson bảo thế không phải là không hữu lý đâu.

Như thế ấy là không phải Littré chỉ lưu lại cho đời có bộ từ điển vô vàn quí giá thôi đâu. Littré còn có biên tập nhiều sách về sử học, về danh nhân truyện ký nữa là khác! (Nhưng các sách ấy vẫn không phải là những sáng tác mà toàn công trình biên khảo!)

Littré không phải nhà văn. Trương-Vĩnh-Ký sao lại có thể là nhà văn được?

Trương-Vĩnh-Ký, ngoài bộ Pháp Việt từ điển đắc dụng hồi văn học quốc ngữ mới phôi thai (chớ tới bây giờ nó kém giá trị hơn bộ từ điển của Paulus Của, ấy là chưa nói đến bộ từ điển Đào duy Anh), còn biên tập bộ *Cours d histoire annamite* dịch *Đại-học*, *Trung dong*, toàn là những sản phẩm của nhà bác học.

Kể về sáng tác, Trương-Vĩnh-Ký viết được: tập *Chuyện đời xưa 1866*, *Chuyện đi Bắc-kỳ năm Ất hợi 1876*, *Bất cượng chớ cượng làm chi 1882*, *Phép lịch sự annam 1883*, *Kiếp phong trần 1885*, *Cờ bạc nha phiến bằng tiếng thường và văn thơ* 1885.

Nhưng thử hỏi những công trình sáng tạo ngô nghê ấy có đáng đem tiêu biểu Trương-Vĩnh-Ký không?

Nếu dựa vào từng ấy công trình sáng tạo ngô nghê để lập luận bảo nhà bác học Trương Vĩnh Ký là một nhà văn Việt-nam thì nghĩ cũng tội nghiệp cho bực tiên hiền họ Trương lắm vậy.

Người xứ mình có tánh hay duy danh định nghĩa rất lôi thôi. Một anh đi cổ động báo, một anh thông tin ở tỉnh cũng được người ta tôn là « nhà báo »; Một kẻ cầy cục bán mắc bán rẻ cho nhà xuất bản hay xuất tiền túi in cố cho ra một cuốn tiểu thuyết là được người ta mang nhiên gọi « nhà văn »!

Gọi tiên hiền Trương-Vĩnh-Ký là nhà văn, tức quên dứt những công trình bác học của tiên hiền để chỉ kể đến những sách ngô-nghê nó đánh giá ngang hàng với «nhà văn», tác giả của một quyển, tiểu thuyết vô danh vừa nói đến.

∴

Nhà bác học Trương Vĩnh Ký không phải là nhà văn rồi.

Còn Nguyễn văn Vĩnh có phải là nhà văn không?

Nguyễn văn Vĩnh chẳng để lại cho đời sách gì ngoài sách dịch. Một dịch giả có phải là nhà văn không? Tất cả nhà văn học sử Âu tây đều bảo không phải.

Nhà dịch sách Nguyễn Đỗ Mục cũng không phải là nhà văn nốt.

Quyển nhất *Nhà văn hiện đại* sẽ là một mớ tài liệu hữu ích cho các nhà làm văn học sử sau này nếu nó mang một tên khác.

Mang tên ấy, nó khiến người đọc de hiểu lầm nhà văn với nhà bác học. Vì nó không những nói đến các cây bút đáng gọi là nhà văn như Phan Kế Bính, Phạm Quỳnh, Nguyễn bá Học, Phạm duy Tốn, Nguyễn hữu Tiến, Nguyễn trọng Thuật, Đông hồ, Tương phố ; mà còn biên tập cả về mấy nhà bác học, dịch giả vừa nói đến trên kia.

Nhưng bao nhiên tài liệu Vũ ngọc Phan biên tập về Trương Vĩnh - Ký, Nguyễn văn Vĩnh, Nguyễn Đỗ Mục cũng chẳng phải là vô hồ đối với một độc-giả hiếu kỳ, túy tâm về quốc văn trong vòng ba mươi năm nay.

Vậy muốn cho ổn thỏa, Vũ Ngọc Phan chỉ việc tuyên bố rõ ràng và đầy đủ hơn những giòng ông viết ở đầu sách *Nhà văn hiện đại* mà chúng tôi đã dẫn trên kia.

Trong số các nhà văn hiện đại Vũ-ngọc-Phan biên tập, Phạm Quỳnh được nói đến một cách rõ ràng và đầy đủ nhứt. Bao nhiêu nhận xét của Vũ ngọc Phan về văn tài, sở trường, sở đoản của Phạm Quỳnh đều có chỗ xác đáng khám phá.

Phê bình nghệ thuật phiên dịch của Phạm Quỳnh, Vũ ngọc Phan viết « .. tuy về văn chưa phải là hoàn toàn, nhưng ai cũng phải nhận là đúng nghĩa» (trang 93)

Câu nhận xét đúng ấy phản trái hẳn với câu này phê bình về một bản dịch của Phan kế Bính:

«Bộ *Tam quốc chí diễn nghĩa*..., do ông (Phan kế Bính) dịch và do Nguyễn văn Vĩnh nhuận sắc là một bộ truyện dịch cực hay, có thể làm khuôn mẫu cho tất cả các truyện dịch »

Nghệ thuật dịch Hán văn của Phan kế Bính, người ta đã thấy rõ là khám phá, thần tình trong những bài dịch cổ văn Tàu in ở quyển *Việt Hán văn khảo*

Nhưng ở bản dịch *Tam-quốc*, ngòi bút dịch văn của Phan kế Bính hình như mất bản - sắc của nó. Nhất là lại có Nguyễn văn Vĩnh san nhuận lại, càng dễ khiến người đọc thận trọng đâm ngờ vực. Người ta tự hỏi : nhà Tây-học Nguyễn văn Vĩnh có đủ tư-cách để kiểm sát, san nhuận một bản dịch Hán - văn không ? Còn như bảo Nguyễn văn Vĩnh coi dọn lại về « văn quốc ngữ » của bản dịch, càng dễ phải ngẫm nghĩ thế này : thẳng hoặc vì đi theo sát nghĩa nguyên văn, Phan kế Bính có viết văn quốc ngữ lôi thôi đi nữa, thử hỏi Nguyễn văn Vĩnh có quyền sửa chữa lại theo ý mình mà bất kể đến nguyên tác không ?

Chắc rằng không !

Vì có sự xen vào của Nguyễn văn Vĩnh hay vì ngòi bút Hán dịch văn của Phan kế Bính lắm lúc hình như mất bản sắc cố hữu, nên chúng tôi thấy : Bộ *Tam-quốc chí diễn nghĩa* do ông dịch và do Nguyễn văn Vĩnh nhuận đặt là một bộ truyện dịch *không đến đỗi cực hay, chẳng có thể làm khuôn mẫu cho tất cả các truyện dịch được.*

Để minh chứng cho lời nói mình, chúng tôi chẳng dám mời độc giả đi tìm một bản *Tam-quốc* chữ Tàu đem đối chiếu với bản dịch của hai ông Phan kế Bính, Nguyễn văn Vĩnh. Công việc ấy mất thì giờ lắm ! Sẵn có quyển *Hán văn độc bản* của Trúc Khê dịch một đoạn Tam Quốc (đoạn Quan Công thất thủ Hạ bì) trong đó có in cả bản chữ Tàu. Độc giả chỉ việc đối chiếu nguyên tác với văn dịch, coi Trúc Khê dịch có đúng không ; nhiên hậu sẽ đem bản dịch Trúc Khê đối chiếu với bản dịch Phan kế Bính về nội một đoạn « Quan Công thất thủ Hạ bì »... Độc giả sẽ thấy ngay bản dịch Phan kế Bính nhiều đoạn phản lại với bản dịch Trúc Khê.

.'.

« Sự thiên vị mà người đọc tưởng là nhận thấy trong một bài phê bình, chỉ có thể coi là một sự khiếm khuyết trong sự xét nhận của nhà phê bình, chứ thật ra đã phê bình một cách chân chính thì bao giờ cũng phải đặt tình cảm ra ngoài » (trang 15).

Viết câu ấy, Vũ ngọc Phan chỉ thấy người ta thiên vị, trong lúc phê bình, vì có cảm tình với tác giả mình quen biết Ông còn quên hay bỏ sót một điều : người ta cũng thiên vị vì quá trọng tiền nhân, dễ dãi để cho dư luận, để cho các thành kiến văn lệ mờ ám, dắt dẫn...

Một tác phẩm được mọi người cho hay, vị tất đã là hay !

Điều gì cổ nhân bảo phải, vị tất đã là phải !

Ta không nên tin bừa theo cổ nhân, theo dư luận. Ta nên theo Descartes chỉ tin điều gì mình cho là phải là chân lý thôi.

Trong phạm vi triết học, vì cũng nghĩ như Descartes, Nietzsche đã lật đổ bao nhiêu học thuyết của tiền nhân. Đến khi Nietzsche qua đời, bà chị phải phao ngôn rằng Nietzsche sanh thời mỗi ngày đều có uống một cốc *mọi phin*. Bà chị sở dĩ nói dối thế, sợ nhà Giáo phạm đến mồ mả em mình ; vì sanh thời Nietzsche cực lực bài xích Cơ Đốc giáo. Thời nhân tin theo bà chị của Nietzsche, bảo Nietzsche là kẻ điên, nhưng một « kẻ điên thiên tài » (fou génial).

xem tiếp trang 10

Du - ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỂ

Số 13

NHẬT-NHAM

ÔNG LÝ cho biết : thấy trời sắp tối, vẫn ra ngóng đợi, chỉ lo thuyền gặp đêm giữa đường, không đi được ! Mãi đến lúc thấy bóng thuyền đằng xa mới yên tâm, vui mừng.

Ông Lý mời chúng tôi lên nhà ông. Nhà làm trên sườn đồi, chung quanh nền nhà kê đá, nền nhà bằng đất nện, tường đất có cửa sổ chấn song go, nóc nhà lợp ngói tàu lòng máng.

Trong nhà rộng rãi, kê bàn ghế, giường gỗ đóng lối tân-thời, cách xếp-đặt không khác gì một nhà vùng xuôi.

Chủ khách an tọa. Câu chuyện có vẻ nồng nàn. Nước uống, nước rửa đầy đủ, sau vài đĩa dứa giải lao, trên bàn và giường đã bày la-liệt các thức ăn : N o gà Như-viễn, nào cá hồ Ba-bể, nào vịt Bản-vài, măng rừng, củ núi, góp thành bữa tiệc đủ sơn hào, hải vị tại một nơi biên viễn, giữa n n ở trên, nước ở dưới, non non n ớc nước nhiều bề thảnh-thơi.

Sau một ngày du ngoạn, bữa cơm giữa lúc đói đã đem lại nhiều hương-vị, chủ khách chén tạc, chén thù, cuộc vui có thể suốt sang, trận cười có thể thâu đêm, nếu sớm mai chúng tôi không phải lên đường về.

Ông Lý-trưởng cho biết làng ông nhờ có địa-thế gần sông, gần hồ, sơn thủy thuận lợi, mà được phồn-thịnh, nhân-dân an cư lạc nghiệp. Cách hồ Ba-bể 8 cây số, hai bể làng Bản-vài g ao-thông với sông Năng bằng ngọn ngòi kề ở trên. Hai bể này là Pé vài và Pé-nàn, chung quanh có núi đa bao-bọc, mặt nước trong xanh phẳng-lặng. Ca hai bể hằng năm đã đem lại một mối lợi to cho dân xã Bản-vài. Hai bên bờ ngòi là cánh đồng g ông ngô. Năm nam gần đến mùa nước, dân là g phải hai ngo chạy lụt. Hôm ch ng tôi tới Bản vài, ruộng ngô ông còn mọi cây, nước sông ã bắt đầu tràn vào lênh láng hai bên bờ sông.

Lịch-sử hai bể Pé-vài và Pé-và có liên - lạc với lịch-sử hồ Ba-bể. Theo truyền thuyết của dân thổ trước thì xưa kia tại làng Nam - mẫn là địa - phận hồ Ba-bể rất đông dân-cư. Trong số dân làng ấy có một đứa trẻ mồ-côi cha mẹ từ bé, rất nghèo khổ, vẫn thường đi ở chăn trâu, bò cho các nhà làm ruộng. Nhớn lên đã biết việc nông-tang, đất rừng rất sẵn, duy không có trâu, bò không thể khai-phá giồng-giọt gì được. Mượn hết làng trên, xóm dưới, không ai dam giao trâu bò cho người vô-sản, vả ai dại gì thả lợn trong chuồng ra mà đuổi ? Mà lòng vị kỷ lại là bệnh thông thường của nhân-loại !

Thấy nói đức Phật - tổ từ - bi quảng-đại, hay thương kẻ bần-hàn cô-cận, hay cứu người cô-nhi quả-phụ, người con côi ấy đánh bạo đến cửa nhà Phật gợi lòng cứu-khổ, cứu-nạn của đức từ bi, kêu xin mượn bò về cầy ruộng giồng-giọt nuôi thân và tình-nguyện nộp một phần hoa-màu làm công thuê bò. Hai bên điều-đình vụ đầu, phải nộp phần tràn cây cối giồng được.

Cô - nhi đem bò về khai phá ruộng nương giồng khoai sọ. Khi Phật cho người đến thu lợi-tức, lấy phần trên thân cây, chỉ là một đông la. Năm sau, Phật không bằng lòng lấy phần trên, bắt nộp gốc cây. Cô-nhi lại thay chiến-lược giồng ngô. Phật lại cho người đến thu thuế lấy gốc cây, thành ra gốc cây bẹ vô-dụng. Phật giận quá, đòi bò về, không cho thuê nữa.

Cô-nhi không có bò làm ruộng, nhất định lập tâm ăn trộm bò của Phật. Một hôm, Phật đi vắng, cô-nhi lẻn vào chuồng bò của Phật và không muốn cho người nhà Phật thấy vết chân bò đi ra, có thể biết việc trộm ấy được, bèn ta bèn nắm đuôi bò kéo ngược cho bò đi lùi lại ra ngoài, rồi tẩu-thoát. Phật về thấy vết chân bò hướng về chuồng bò, nên không để ý đến bò.

Trong khi ấy, cô-nhi dắt bò về nhà, cầy bừa song, muốn làm cho mất tang, bèn ngả bò ra ăn thịt, đãi tất cả họ-hàng, làng xóm một bữa no say, lại cho đem thịt biếu người họ ngoại ở xã Bản-vài.

Mãi về sau, Phật mới biết mất trộm bò, vội cho đi tìm.

Hỏi thăm đến làng Nam-mẫn, không một ai cho biết tin bò bị Cô-nhi làm thịt. Duy có một bà quả-phụ, xưa nay vẫn tu nhân tích đức, thấy hành-vi bất-lương của cô-nhi, nổi lòng công-phẫn, bèn tường-thuật rõ ràng cho người nhà Phật biết những việc vừa qua.

Đệ-tử Phật về trình Phật, Phật muốn ran người hạ-giới bớt lòng tham dục, bèn ra lệnh cho xã Nam-mẫn sụt xuống thành Ba-bể và hai xóm Bản-vài sụt xuống thành hai-bể, đem theo tất cả dân-cư đã ăn thịt bò của Phật, trừ quả-phụ đã không ăn thit bò, lại còn tố-cáo tội ác của Cô-nhi và lòng tham-lam của dân-chúng. Trước khi sụt đất thành bể, Phật sai rắc gio chung quanh nhà bà quả-phụ để đánh dấu, vì vậy sau khi thành bể, vẫn còn nguyên nhà bà quả-phụ trên cái gò Pò-già - Mải đã kể ở trên. Có nhiều nhà vì không dự đến việc thịt bò đều được Phật báo trước cho lánh đi nơi khác. Hiện nay có câu « *Nam - ti ni Nam môn* » (ở xóm Nam - ti lánh sang xóm Nam môn,)

Theo nhời ông Lý-trưởng Bản-vài, thì hiện thời còn nhiều nhà xóm Nam-môn giữ được sổ điền thông Nam-ti ngày trước.

Thế là sau một cuộc tang thương biến-cải, một vùng Chợ Rã đã đ.ềm thêm năm bể vào bức tranh thiên-nhiên do Tạo hóa an-bài. Chỉ vì hai bể Pé-vài và Pé - nàn cách xa ba bể Pé-lù Pé-lầm và Pé - leèng 8 cây số, nên tới nay trên dư đồ Nam-việt, chỉ nói đến cảnh hồ Ba-bể, mà quên hẳn hai bể xi Bản-vài.

Vậy du-khách qua chơi miền Ba-bể cũng nên nhớ đến cảnh Hai bể, mới thưởng - ngoạn được hết cái đẹp của ngũ hồ Việt-nam, để liên-tưởng đến cái thiên-nhiên xảo-diệu của Ngũ hồ Trung quốc !

Canh tàn, khắc vợi, tuy câu chuyện đương nồng, nhưng nghĩ đến đường về hôm sau, chúng tôi phải đi nghỉ để lấy sức mai đi...

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm, sắp-sửa lên đường. Tôi và gia lục đệ từ biệt mọi người về Phủ Thông qua Chợ Rã, rồi đáp ô tô xuôi Hà nội. Trừ hai tên lính dõng đi hộ vệ và một tên phu gánh đồ hành lý, theo chúng tôi đi Phủ Thông, còn gia tứ đệ và tổng lý xuống thuyền theo giòng sông Năng xuôi Ba bể rồi về Như viễn và Bản tị.

Sau mấy buổi hội họp vui vẻ, nay phút chốc chia tay, sao chẳng có vẻ bâng khuâng nhớ người, nhớ cảnh ?

Dùng dằng chưa nỡ rời tay,
Vừng đông trông đã đứng ngay nóc nhà.

Anh em tôi vội vàng lên yên và cho quẩy gánh theo sau, sau khi trân trọng từ biệt mọi người ân cần hò hẹn :

Còn non, còn nước, còn dài,
Còn về, còn nhớ những người hôm nay !

Rồi «mỗi sẩu sẻ nửa, bước đường chia hai » ai nấy đều theo con đường riêng của mình để đi tới đích.

Bản - vài cách Chợ rã 8 cây số Qua cánh đồng lầy, người ngựa trèo lên đường số 188 từ Ba bể lại Đường này đặt quanh đỉnh núi trông xuống dưới : xa, xa là giòng sông nước đục chảy xuôi, khi thì lượn giữa hai dẫy núi, lúc thì vượt qua miền ruộng đất phì-nhiêu. Đi được 4 cây số, chúng tôi được ngắm cảnh Na-Tồn, một làng mán ẩn-hiện trong một vùng thung-lũng, phong-cảnh hữu-tình.

Vì con đường 188 từ Ba bể đến Chợ Rã mới đắp lại hồi cuối năm 1941 để dự bị cuộc nghênh-giá Bắc tuần, nên mặt đường rộng - rãi, đi lại được dễ ràng.

Chẳng bao lâu, chúng tôi đã tới Chợ Rã. Hôm ấy là 25 tháng 5 An-nam nhằm vào ngày phiên chợ, dân các vùng lân-cận, lũ năm lũ ba kéo nhau ra chợ.

Tới đầu đường, có một con sông ngăn cách, trên đặt cầu treo bằng nứa để người qua lại. Chúng tôi xuống ngựa, giao cho dõng, rồi sang người không, để ngựa sang sau. Bên kia sông là một ngọn núi, trên có châu Chợ Rã, dưới chân, đường ngập phải lội qua. Anh em tôi vào hiệu ăn nồng thì dõng và phu vừa tới. Chúng tôi nhân cho họ ăn để lấy sức đi đường, bên hẹn khi ăn xong, đem ngựa ra đầu chợ, rồi cùng khởi-hành. Dặn-dò cẩn-thận chúng tôi ra chợ quan sát nền kinh tế miền này.

Chợ ngay cạnh đường đá đi Phủ Thông, trước một dãy phố có hiệu khách, ta và thổ. Chợ có các giống người thổ trước tới họp. Ngoài ít đồ nhật dụng dưới xuôi mang lên, còn thì chỉ những gà cùng vịt, ngỗng, chuối, măng, bánh, xem ra sự mậu-dịch không được phát đạt cho lắm !

Sau một lúc, dõng dắt ngựa tới chúng tôi lại khởi hành.

còn mộ kỳ nữa

NHẬT NHAM

Cải chính

Tri Tân số 72 — Bài « Vì sao Nguyễn - Du cảm truyện Tiểu Thanh. Trang 8, cột dữa, giòng 22 : «mạnh-từ» xin đọc là « Manh Từ», nghĩa là bài hat của người mù. Cột thứ ba, giòng 13 : hộc máu ra hơn một thùng, xin đọc là : hơn một thúng. Giòng 34 : tặng cho con gái nhỏ của nàng, xin đọc là ; con gái nhỏ của người vú già. Trang 18, cột nhất giòng 28 : kìa than trong lò vạc dầu, xin đọc là : vạc dầu Giòng 30 : Nay lại còn chim hồng : xin đọc la ; con chim hồng. Cũng cột ấy giòng 48 bài thơ 1 câu thơ dịch thứ tư : để tưới khắp nh ng h a sen cùng một cuống, xin đọc là : để tưới xuống chốn nhân g an hóa làm những hoa sen cùng một cuống Cột dữa, ở bài thơ dịch nôm III, câu thứ tư : nhưng cái bóng gầy này . xin đọc la : bóng gầy này. Trang 19 cột nhất, ở bài thơ dịch nôm VII, câu đầu, chữ thứ năm : rộn rập, xin đọc là rồn rập. Cũng cột ấy ; ở bai thơ dịch nôm IX, câu thứ tư ; vậy ra nước triều ở Quảng lăng, bỏ sót một quãng, xin đọc là ; vậy ra nước triều ở Triết giang cũng tựa như nước triều ở Quảng lang này chăng ?

Rao vặt

Cần mua 9 số Nam-phong cũ : 2, 3, 5, 8, 9, 10, 13, 14, 18.

Bạn nào có số nào x n cứ làm ơn để lại cho số ấy. Chúng tôi sẽ đáp lại bằng tiền hoặc bằng sách báo mới : xin tùy ý bạn muốn.

Hỏi tại tòa báo Tri-Tân

Sử học luận-đàn

Tháng 7 năm Quý - mão 1783 chúa Nguyễn Ánh có chạy thầu Côn-lôn...?

DƯƠNG-KỲ

Đọc bài « Chúa Nguyễn-Ánh có chạy thầu Côn-lôn không » của ông Lê thọ-Xuân đăng ở Tri-Tân số 61, chúng tôi tưởng cần nên nói thêm ít lời để tiếp vào bức thơ biện-nghi của chúng tôi đã đăng ở Tri-Tân số 56

. . . . . (1)

Chúng tôi có ý nghi, trong năm 1783, Chúa chạy không thầu Côn lôn là vì chú ý nhất vào việc này: nội trong khoảng tháng 6, tháng 7 âm lịch năm ấy mà Nguyễn-Vương, sau khi bị đánh tan tành, đi những chiếc « ghe » chèo, có thể ì-ạch chạy từ Phú-quốc vượt qua giốc Cà-mâu, đến Côn-lôn, rồi vượt lại giốc ấy, đi tạt xa hẳn về phía Tây - Bắc lên quá hải-phận Cao-man, thấu Tiêm - la đảo Cổ-cốt, rồi lại đi về Phú-quốc. Xét ra cho kỹ thấy việc ấy khó-khăn quá. chưa chắc Chúa-Nguyễn đã đi như vậy mà khỏi bị bắt. Lại xin nhớ rằng nào Chúa có thể ung dung mà đi đâu: cần tránh chỗ này, trốn chỗ nọ.

Mối ngờ của chúng tôi là *cốt ở chỗ đó*, chứ không phải chỉ duy chú-trọng vào cách đọc và viết chữ R của người Tầu mà thôi.

Vả chăng việc lạm dụng chữ Côn-lôn mà chỉ tên các hòn đảo là việc ta thường thấy các nhà viết sử ta làm. Xem như việc họ đã không ngần ngại mà gọi một hòn đảo gần Java là Côn-lôn (2) thì đủ biết.

Lê-quân bảo rằng lúc ấy đường biển êm hơn đường sông; việc ấy không lấy gì làm chắc chắn. Ở miền nam xứ Trung-kỳ và ở Nam-kỳ, thường thường về độ tháng 3, tháng 4 biển mới êm-dịu vì vậy mới có câu « *tháng ba bà già đi biển* », chứ đến tháng 7 tháng 8. biển đã bắt đầu xấu 3; một chứng cớ rõ ràng trong lúc ấy biển xấu là đã xảy ra cơn bão đánh đắm thuyền của Tây-sơn.

Lê quân bảo rằng sau này (sau năm 1783) Chúa không thể ghé vào Côn-lôn, vì đó không phải là chỗ để lấy thêm quân-lính. Nhưng chúng tôi chỉ nói; « vì một cớ gì mà ghé đến Côn-lôn », cớ ấy có thể một cơn bão đưa truyền Chúa Nguyễn đến đó.

Vả chăng Côn-lôn thời bấy giờ chưa chắc đã là chỗ hoàn-toàn vô dụng về quân sự như Lê-quân đã nói.

Không thế mà trong lúc đã có nhiều nước ngoại-quốc dòm dỏ hòn đảo ấy.

Có khi họ đã lấy hẳn đảo Côn-lôn như năm 1702 Năm ấy hội « Compagnie Anglaise des Indes » Hội buôn của người Anh ở Ấn-độ phái người qua Côn-lôn đóng binh ở đó. Hội trưởng là ALLEN CATCHPOLE đến tại Côn - lon, thảo những lời huấn thị cho người lái buôn, DANIEL DOUGHTY, và giao cho người này tạm quyền cai trị đảo Côn - lôn, trong lúc chờ viên Đảo-hiến thực thụ là Trung-úy Rashell, Người Anh dùng người Mã-lai Macassars làm lính đóng đồn ở Côn-lôn. Nhưng vì bạn tại ngũ đã mãn mà chưa phóng thích bọn Mã-lai ấy, nên chúng nó làm loạn, đương đêm giết tất cả những người da trắng trong đảo. Cũng có hai người thoát được Docteur Pound và Salomon Lloyd và sau khi trải qua thiên, nạn vạn khổ mới lên được lĩnh thổ Vua Johore bán đảo Malacca bây giờ. Đó là phần người Anh.

4

Còn về người Pháp, theo ông Trần-trọng-Kim thì trong năm 1686 đã có ông Verret xin và được phép mở cửa hàng ở Côn-lôn. 5

Rồi đến sau, nếu thời cuộc ở Ấn-độ không thay đổi thì nước Pháp cũng đã lấy Côn-lôn trong khoảng nửa thế-kỷ thứ 18 rồi.

(còn nữa)

DƯƠNG-KỲ

---

1) L.T.S. — Chỗ này, tác - giả Dương-Kỳ có nói tới đảo Poulo Panjang, tức hòn Thổ-châu ở bản đồ của bạn Lê Thọ - Xuân đăng trong Tri - Tân số 61, trang 12 - 13 và ông Dương-Kỳ có vẽ thành bản đồ cho dễ hiểu. Nhưng vị-trí cái đảo ấy cố nhiên là « ở trong vịnh Tiêm-la về phía tây giốc Cà-mâu, cách giốc ấy ước chừng 160 km » như ông Dương-Kỳ đã nói và như bạn Thọ-Xuân đã vẽ, chẳng qua vì thợ khắc gỗ đánh gãy, rồi thợ in đặt lầm, nên trước khi nhận được bài này của ông Dương-Kỳ, bạn Thọ-Xuân đã cải-chính ở T.T. số 66 trang 16 rồi. Thế là về điểm này, không cần phải tranh luận nữa. Vậy xin lỗi tác giả, lược bỏ đoạn này và xin miễn khắc lại bản đồ.

Thẩm mỹ

Cuộc trưng-bày tác-phẩm của họa-sĩ

NGUYỄN VĂN TY

Đã từ lâu, công chúng mới lại được xem một phòng triển lãm mỹ thuật đáng chú ý.

Về cách xếp đặt, bài trí trong gian phòng hội Khai trí, lựa theo màu sắc của các bức tranh, họa-sĩ Nguyễn-văn-Ty đã tỏ ra có một tính cách đặc biệt về lối trang hoàng. Một bức lụa, một tấm tranh bản gỗ hay một tấm bình phong đều xếp-đặt một cách ăn hợp ý và dung-hòa được đủ màu sắc của từng tác phẩm. Tới những tình cảm trong-trẻo, thanh cao, họa-sĩ dụng ý theo đường của các bực tiền bối mà vẫn giữ được bản sắc mềm mại tự nhiên. Từ họa phẩm đến các tài liệu, ông cố tình lột hết tinh-thần của đất nước, của cái thế hệ mực tàu giấy bản đã qua.

Ta thử xem kỹ từ cặp bìa sách bằng sơn ta của cuốn « *Nguyễn-Du văn-họa tập* » cho đến bức tranh lụa « Tĩnh-vật » và nhân đấy ta đã nhận thấy thanh niên hiện thời đã quay về căn bản, đã có sức gây lấy chút hương vị thật thà của dân-tộc việt-Nam.

Trên một mầu đen bóng loáng, Nàng Thơ của Nguyễn Du ẩn hiện trên nét chạm vàng — Nàng Thơ đượm vẻ cổ phác dưới một hàng chữ nho chói lọi. Họa sĩ Ty ngoài cuộc sống nổi nghìn năm văn vật đã không quên thăm những thắng cảnh từ miền rừng núi cao cả thâm u cho đến cảnh hùng vĩ ngoại vịnh Hạ long. Một tấm bình phong, núi đã úa vàng, nước ửng đỏ màu bồ-quân, tả một cảnh mặt giời vừa lặn. Bên góc trước mặt, vụng Cát-bà phô lên những mảng lưới đen cao vút trước những đợt nui nhấp-nhô đột ngột. Trên trời, mây cuồn cuộn vần đen tưởng chừng một trận cuồng phong sắp tới, Trên mặt nước vàng lấp lánh, họa sĩ đã không quên đặt một vài cô khách vội-vã chèo thuyền.

Một bức chính đài tới ba thước là tác phẩm mới nhất của họa sĩ. Ở đấy, ông đã tự chủ được nét bút để hoạt họa tất cả những cảm-giác thanh thoát của ông. Một vài điểu nghiêng ngả, một dáng yêu-kiều, ít ánh sáng chói lọt rung rinh trên tà áo, đủ diễn được cả một nguồn sống vui tươi với những ngày mai tốt đẹp.

Màu sắc và cảnh vật ông tả đã khiến tôi biết được con đường ông định tìm tới : *Cải tổ lại một nền mỹ-thuật thực đặc sắc Việt-nam* » vì đó từ cách bố cục một bức tranh cho đến những tứ màu đều nhằm theo một tôn chỉ Ở ông, tôi không thấy một ảnh hưởng ngoài nào quấy rối. Theo phương pháp âu tây để cấu tạo những tác phẩm bằng lề-thói của người mình, ông đã dùng hình thức chắc chắn của họ để tả những cảm tình trầm tiềm của người phương đông. Ông đã thành công trong bước đầu,

Theo ý họa sĩ Ty, hội họa không phải chỉ để phô diễn những cái mắt trông thấy để công chúng đem so sánh lại sự thực với máy ảnh. Hội họa cũng như âm nhạc hoặc văn chương, đã xuất hiện từ thời cổ, đã đi trước cả các nghệ thuật khác, để tượng trưng một tư tưởng để phát biểu những trạng thái của tâm hồn.

Ta hãy trở lại với nhân vật, phong cảnh của ông. Từ đàn hươu phơi mình dưới ánh nắng vàng đến đàn cá lượn trong làn nước u tĩnh, ta vẫn cảm được một chút thi vị nhẹ mà ấm như trong các họa-phẩm cổ của Trung hoa. Trái lại, cảnh thác Chợ-bờ lại rùng rợn; nước trắng như đang ầm ầm, tung bọt, cuồn cuộn xuống thác mà sức người mới nhỏ bé làm sao khi hàng bốn năm người Thái đang cố hết sức rướn người về đàng trước kéo ngược giòng một chiếc thoi lên thác, giữa rừng đen, cây rậm, núi lên xuống trùng-trùng điệp-điệp : thực là một cảnh hùng-vĩ của miền thượng du xứ Bắc.

Tôi ngắm mãi một tĩnh-vật nature morte, tôi nhận thấy họa-sĩ đã nghiền ngẫm nhiều trên bức tranh đó. Họa-sĩ đã từng giở lại trang giấy bản ố nhòe để tìm dấu vết của tiền-nhân. Trên đĩa dầu hao, bấc đã lụt dần, nhưng hy-vọng của người thắp đèn vẫn còn chan chứa ánh sáng và tin tưởng.

Chắc họa sĩ có nhiều cảm tình với tranh tết nên chịu khó khắc rất nhiều bản gỗ và in tay theo lối cổ của ta. Với nét vẽ đúng kích-thước, với những màu hòa-hợp tự-nhiên, ông đã tạo nên những tác-phẩm xinh-xắn lồng trong khung vàng chói-lọi. Nét gỗ vừa thực-thà, vừa đơn giản đã đưa nghệ-thuật in tranh lên một bực hẳn rõ-rệt. Như bức hai thiếu nữ ngồi trên chõng : bóng trăng vừa ló sau dặng hoàng lan, hãy còn bàng bạc hơi sương. Một bức nữa : hai cô Mường đang tư lự dưới gốc mai. Một con cò trắng vừa đập cánh bay qua. Các cô có vẻ giật mình và sợ hãi vì trời vừa tối mà dãy núi đen đặc đã hiện rõ ràng trên nền trời vàng úa. trong các tác phẩm gỗ, ông định gửi tấm « kakémono » (đạo chơi trong vườn) sang Đông-kinh (Tokio) để dự cuộc trưng bày mỹ thuật việt nam tại đảo Phù-tang, bức đó tả một thiếu nữ tay sách lẵng hoa theo sau một cô em bé. Hai con công tỉ mỉ phô diễn tất cả các mầu nyền chuyện dưới

xem tiếp trang 16

LỊCH SỬ BỊNH LAO

tiếp theo trang 7

phải thở khí - trời tốt Rồi lần-lượt đường - đường trị lao trên núi thành lập bên Đức, bên Thụy-sĩ và thật lâu về sau tới bên Pháp.

Nhiều bác - sĩ, sau những lần nghiên-cứu rất công-phu, rất chăm chỉ, chỉ cách ợi-dụng phong-thổ, thức ăn cách nghỉ để cho cơ - thể người bịnh mau đặng tráng-kiện. Vì cơ-thể có tráng - kiện, họ mới dễ mạnh

Mới nửa the-kỷ này, năm 1892 lần đầu tiên giáo-sư người Ý Forlanini phát minh cách Bôm Phổi. Lần lần cách điều-trị mới mẻ ấy lan-tràn qua Mỹ, rồi nhờ bác - sĩ Dumarest nó được truyền-bá sang Pháp.

Ấy là một sự phát minh lớn nhứt, có cong-hiệu nhứt trong các phương pháp trị lao Thuốc - men cũng tiếp-tục ra đời thật nhiều, nhưng được người ta để ý hơn hết là Thuốc vàng Sels d'or do bác sĩ Đan mạch Holger Mollgaard chế ra năm 1924

Còn thuốc ngừa lao BCG của ông Calmette và Guérin thì ra đời năm 1921.

.·.

Nói tóm lại, từ hồi có loài người là đã có bịnh lao.

Hai lương-y hiểu biết nó trước hết là Hippocrate và Galien.

Rồi từ đó không chi lạ Gần hai ngàn năm sau, việc trừ lao mới bước đặng một bước thật dài với Laennec, Villemin, Koch, nhưng cách trị bịnh vẫn còn cũ-kỹ.

Trong khoảng năm mươi năm nay, người ta mới biết rõ cách điều-trị, cách tiếp - dưỡng, cách phòng-ngừa với các ông Forlanini, Mollgaard, Calmette và biết bao nhà bác học trứ-danh khác.

Trong trường Y-học cũng như trong trường Khoa-học, « kẻ hậu-sanh như trèo trên vai tiền bối mà dòm » Nhờ sách vở để lại, ta có thể thấy xa biết rộng hơn những người đi trước. Lâu-lâu có một vài thiên-tài sáng chói như đèn rọi ngoài khơi khám-phá những chỗ tối-tăm mù mịt Các đứng ấy là những nhà thám hiểm, lắm phen phải hy-sinh tất cả hạnh-phước của mình mà giong - ruổi trong chốn núi sâu rừng rậm, cốt dìu-dắt nhơn-loại vào con đường khỏe-mạnh. Ta phải nhắc mà cám ơn, nhớ mà kính mến.

Bác sĩ LÊ VĂN-NGÔN

Tài liệu rút trong quyển «Bịnh Ho Lao» đang in.

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Nhà văn hiện đại

tiếp theo trang 11

Trong phạm vi văn học ở nước ta hiện đang cần có những « kẻ điên thiên tài » như Nietzsche, để lật đổ bao nhiêu thành kiến và lệ có từ trước, để đặt các danh sĩ Việt Nam ngồi vào đúng chỗ của họ, để gieo vào thần trí quốc dân ta ý nghĩ chân xác về chân lý : là *chỉ tin điều gì mình cho là phải là chân lý thôi!*

KIỀU THANH-QUẾ

Nguyễn-văn Tỵ

tiếp theo trang 15

nét khắc của ông. Cùng một kiểu tranh khắc, mấy con nai in kỹ-càng gọn ghẽ vẫn còn sót lại bản sắc và đầu đề của các họa phẩm xưa.

Với tính tình giản dị và trầm mặc, họa sĩ Tỵ đã tạo nên những tác phẩm đầy một sức mạnh mơi và rất có hy-vọng trong cuộc trưng-bầy ở nước ngoài sắp tới.

HOA-NAM PHAN-KỲ-NÔNG

Dịch thơ tây

tiếp theo trang 19

Phệt ngồi, chân trước chống mình dựng cao.
Sói cũng biết lâm vào đất chết,
Đã sa cơ, nghẽn hết đường lui.
Há mồm, nóng rực dầu sôi,
Nhè con chó bạo soi soi bên mình,
Đớp ngang cổ, chó đành-đạch rẫy,
Người đưng ngoài vội nhảy ùa vào,
Dao đâm, đạn bắn, dào-dào;
Mặc dầu ruột đứt, mặc dầu xương tan,
Sói nhất định thi gan với chúng,
Nghiến hai hàm chặt cưng như đinh;
Mãi khi soi thấy sức mình
Hầu tàn, thì chó đã thành thây ma,
Dưới chân sói, lăn ra thẳng rằng,
Sói mới thôi, mắt ngửng nhìn người.
Bên sườn, dao ngập lút chuôi
Cắm mình xuống cỏ, máu tươi nhuộm hồng.
Đằng trước mặt, súng vòng tua tủa,
Sói nhổm lên, thứ nữa nhìn người,
Rồi nằm xuống cỏ thảnh-thơi,
Ung-dung lưỡi liếm máu tươi trên mồm.
Không một tiếng om-sòm, rền rĩ,
Cũng không thèm để ý xem sao,
Thân này đã chết cách nào,
Nhắm nghiền hai mắt trong bầu lặng không.

(*Còn nữa*)

CÁCH CHI phiên dịch

Bài « Le Pélican » ở T. T. số 72 trước, trang 14, 16 cũng do bạn Cách-Chi phiên dịch. Vì thợ in bỏ sót chỗ tên ký, nay xin bổ-chính.

Nam đàn bát châu tục thảo

Lối thơ tân thành lập

Số 8 Tác giả : TÙNG-VÂN đạo-nhân

XIV

Thăm bạn qui điền Trương - Minh - Phủ

Đỗ-Mục

Nguyên Đường-âm

Đào - Tiềm quan bãi, tửu - bình không,
Môn gềm hoàng-hoa nhất kính phong.
Cổ-điện thi ngâm sơn - sắc lý ;
Vô - huyền cầm tại nguyệt minh trung.
Viễn diêm cao - thụ nghi u điểu ;
Xuất trửu cô vân trục vãn hồng.
Biệt hậu đông - ly sồ chi cúc,
Bất tri nhân túy dữ thùy đồng ?

Dịch lối Nam đàn :

Luồng gió thơm, ngõ hoàng - hoa cửa khép ;
Bình rượu không, khi Đào - lệnh nghỉ quan.
Đêm minh - nguyệt, chốn thanh - san,
Câu thơ điện cổ, chiếc đàn không giây.
Chòm cao - thụ, vui bầy u - điểu ;
Ý cô - vân, đua sắc vãn - hồng.
Biết rằng cành cúc ly đông
Sau cơn tạm biệt, ai càng tỉnh say ?

Chú thích

Đào lệnh — Xem ở bài thứ 12 ở T.T. số 71.

Chiếc đàn không giây — Đào-tiềm nhà Tấn vốn có đặc tính siêu vật, trong nhà chứa một cái đàn không mắc giây, thời thường ngoạn lông, để tỏ ý siêu vật. Đào thi : « *Đãn thức cầm-trung thú, hà lao huyền-thượng thanh* » ?

Cao-thụ — Hạng cây cao tốt.

U điểu — Hạng chim thanh-u.

Cô vân — Đám mây đùn ra như ngọn núi độc lập.

Vãn hồng — Cầu vồng hiện ra buổi chiều, có nhiều vẻ sắc

Ly-đông — Bức phên dậu ở mé đông, ông Đào trồng cúc ở nơi đó. Đào thi : « *Trái cúc đông-ly hạ* »

Thơ này suốt bài chỉ tả vận-sự phong-thú ông Đào-Tiềm để gọi ra cái chân tướng của Trương-Minh-phủ, cũng là một bút pháp lạ trong cõi thơ.

XV

Võng xuyên trang, mưa dầm, ngẫu tác.

Vương Duy

Nguyên Đường âm

Tích - vũ không - lâm yên - hỏa trì,
Trung lê sung - thử thướng đồng trì.
Mịch - mịch thủy - điền phi bách - lộ
Âm - âm hạ - mộc chuyển hoàng - ly.
Sơn - trung tập - tĩnh quan triều cận
Tùng hạ thanh trai triết lộ qui.
Dã - lão dữ nhân tranh - tịch bãi,
Hải - âu hà sự cánh tương nghi ?

Dịch lối Nam đàn

Cảnh mưa dầm, rừng sâu chim khói lửa,
Thói nhà nông, xeo - xửa gánh cơm canh.
Làn ruộng phẳng, khóm cây xanh
Sắc cỏ trắng lớp, lời oanh nhịp nhàng.
Vào trong núi, tìm phương nhàn tĩnh,
Hái rau quả, thỏa tình trai thanh.
Chim âu ngoài bể thấu tình,
Sự lão tranh tịch, đã đành sự ai.

Chú-thích

Võng-xuyên-trang — Nơi biệt-thự của Vương Duy, thuộc huyện Lam-điền, nay thuộc Thiểm-tây. Trang là trại. Biệt-thự là chỗ nhà riêng có cảnh-thú đặc-biệt.

Tranh-tịch — Tranh-chiếm chiếu ngồi. Ý nói cạnh-tranh về đường vinh-lợi. Bãi sự tranh-tịch là nói quên đường lợi-tâm.

Hải-âu — Sách Liệt-tử : « Hải-khách có kẻ vốn làm nghề sinh-hoạt, tiêu-dao ở ngoài bể, hàng ngày cùng với chim âu quen thân. Hải-khách đi đến đâu thì chim âu bay lại gần đến đấy, thường đến vài trăm con. Một hôm, người cha bảo hải-khách rằng : « Mày lợi-dụng dịp tốt. ấy, bắt lấy một con về cho ta. Hải-khách nghe lời, kịp sớm mai cứ theo lệ thường, đi ra chỗ góc bể ấy, thì chỉ thấy đàn âu đều lẳng đi bay múa ở đàng xa-xa, không lại gần nữa. Đường-thi : « *Hải-khách vô-tâm tùy bạch âu* ». (Nghĩa này nên tham-khảo với nghĩa « Cải âu nhân » trong Tục-thảo bài số 5).

Thơ này trên tả cảnh-trí sinh hoạt, dưới tả tâm-sự thanh-tu. Ý nói kẻ dã-lão này đối với cuộc đời, trần duyên đã tắt lửa lòng, thì con hải-âu kia đối với dã-lão này còn có điều gì nữa mà ngờ vậy.

Phụ lời nhắc lại

(Một đoạn nguyên-văn lời dự-thảo)

« — Nói đến giá-trị thì ai cũng phải bắt đầu đếm xỉa thơ Đường-luật, thế thì thơ Đường-luật vì sao mà có nhiều giá-trị ?

« — Vì trải bao nhiêu danh-nhân tài-sĩ, thi thánh thi-bá rèn-tập chung-đúc ở trong tám câu thơ, lại gồm bao nhiêu vẻ thanh-tân diễm lệ, hùng-hồn tuấn-nhã, phong lưu hào dật, v. v... phô-bầy ở trên tám câu thơ, trách nào thơ Đường-luật chẳng nhiều giá-trị. Quốc-âm ta phải xem gương ấy.

« — Thơ Đường-luật thích hợp với người ta thế nào mà phong-phú như vậy ?

« — Vì thơ chỉ có tám câu mà đủ cả mọi vẻ lý-thú, mọi bề thưởng-thức, mọi sự ứng-dụng ; đường sơn-xuyên du-lãm, đường nhân-vật đề-vịnh, đường cầm thư lạc thú, đường đài-các hàn-mặc, đường lâm-toàn, đường thành-thị, đường phong-lưu, đường đạo-đức, đường xã-giao, đều thích hợp cả, trách nào thơ Đường-luật chẳng phong phú như vậy. Quốc âm ta lại nên xem gương ấy ».

Lời văn-đáp ấy thực là căn-bản về một phần nguyên tắc cho lối thơ Nam đàn-bát châu ; trước kia đã đăng ở Đông-Pháp báo mục Văn-chương kỳ 17 Mars 1942 nay, xin nhắc lại.

(*Sẽ tiếp*)

Hà-đông NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 28 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

NHA là răng *(xỉ)*. Đồ vật gì hình giống cái răng cũng gọi là nha. Như cửa phủ gọi là *nha-môn*, vì ngày xưa ngoài cửa có khắc gỗ làm hình cái răng, dựng ở cánh cửa, giống như răng muông thú. Chữ nha này thường viết « hành » ngoài « ngô » trong, nhưng chính gốc nó ở chữ nha là răng, xuyên-tạc ra. Ngày xưa cửa đồn-quân thường dựng lá cờ tướng, hai bên cửa cũng khắc hoặc vẽ hình cái răng, gọi là nha-kỳ; nhân thế gọi cửa đồn quân là nha-môn; đem hiệu-lệnh cho quân lính, phải đứng ở dưới chỗ nha-môn. *Hậu-Hán thư* có chữ « Bạt kỳ nha-môn » (nhổ nha-môn ấy), tức là nhổ đồn quân đi chỗ khác. Nay gọi những dinh làm việc quan là nha-môn. — *Nha-bài* là cái bài làm bằng ngà voi để chép công việc. Sĩ-hoạn đời Tống dùng nha-bài để chép lý-lịch : Hoàng Vạn-Thạch nói : « Ngô quan-hàm nhất cá nha-bài thư bất tận», nghĩa là quan-hàm của ta có một cái nha-bài chép không hết. Ở nước ta, bài ngà của các quan cũng gọi là nha-bài. Đồ dùng trong trò chơi, — hý cụ, — lấy ngà voi, hoặc xương, hoặc sừng, làm một miếng hình vuông và dài, một mặt khắc chữ số từ một đến sáu, trên dưới bằng nhau, v. v., cũng gọi là nha bài. — *Nha-tướng* là một chức thấp trong hàng võ. *Ngũ đại sử* chép : « Khang-hoài-Anh sự Chu-Cần vi nha tướng », nghĩa là Khang-hoài-Anh làm nha-tướng cho Chu-Cần. *Khâm-định Việt-sử*, quyển 5, tờ 20 b, chép : « Ngô-vương vi Diên-Nghệ nha-tướng », nghĩa là Ngô-vương Quyền làm nha-tướng cho Dương-diên-Nghệ. Chữ nha-tướng này cũng viết chữ nha là răng. Không có chữ nha tướng nào viết « hành » ngoài « ngô » trong, như trong Hán-Việt từ-điển.

Sách *Tùy-thư Trịnh-Dịch truyện* chép rằng : « Dịch được phục tước là Bái-quốc-công, ngôi Thượng-trụ-quốc, vua sai Lý-đức-Lâm làm tờ chiếu. Cao-Quýnh nói đùa, bảo Dịch rằng : « Bút can », nghĩa là bút khô. Dịch đáp rằng. « Ra làm quan mục một phương, chống gậy mà về, không được một đồng tiền, làm sao ướt bút được ? » Hà dĩ nhuận bút ? Vua cả cười ». Sách *Danh-thần ngôn hạnh lục* chép : « Vương-nguyên-Chi ở tòa Hàn-lâm từng thảo bài chế cho Lý kế-Thiên ra làm quan ở Hạ-châu Kế-Thiên đưa đồ nhuận-bút, gấp hơn người thường », Nay tiền thù-lao cho những người làm văn, viết hoặc vẽ, cũng gọi là nhuận bút.

XIII. — Chữ ô

Dưới chữ *ông đồ, ông nghè* ở trang 189-192 quyển *Tầm nguyên từ-điển*, ông Lê văn Hòe chép sự-tích khoa-cử ở nước ta, xét ra có một vài chỗ thiếu : tôi lấy sách *Nam-sử tập-biên*, là sách viết bằng chữ nho của trường Bác-cổ, số A 12, quyển 3, tờ 36 b-37 a, dịch hai đoạn dưới đây để bổ-chính : « Năm nhâm-ngọ 1462, định lệ thăng bổ con cháu quan-viên và sinh-viên. Dòng-dõi hoàng-hậu và con cháu khai-quốc công-thần được sung làm nho-sinh ở Chiêu-văn-quán : gọi là « cậu chiêu, cậu nho », gốc từ đấy. Các con của tước công, hầu, bá, và con trưởng của các quan văn võ, từ nhị phẩm đến bát phẩm, người nào ít tuổi, ham học, sung làm học-sinh ở Tú-lâm-cục : gọi là « cậu tú » gốc từ đấy. Chọn những bậc văn-thần có học-hạnh sung làm chức Ty-huấn và Điển-nghĩa để dạy học, cứ ba năm đưa về bộ Lễ xét, ám-tả một bài kinh-nghĩa, hai bài truyện-nghĩa, người nào trúng cho bổ các chức về văn-ban. — Lệ cũ, con cháu các quan-viên, thi hương trúng tam trường gọi là nho-sinh, được sung làm Hiệu-sinh ở bản-phủ ; trúng tứ trường gọi là « nho-sinh trúng-thức », sung làm giám-sinh ở Quốc-tử-giám ; quân dân nếu có thi trúng, không được dự. Đến năm Hồng-đức thứ mười-bốn, 1483, sắc định : quân dân thi trúng tam thường, cho sung làm sinh-đồ ở bản-phủ, trúng tứ-trường mà thi hội không đỗ, cho sung làm tăng-quảng đường-sinh ở Quốc-tử-giám. Kịp khi tuyển-bổ, những giám-sinh, nho-sinh, học-sinh và sinh-đồ, cùng những sĩ-tử khảo đỗ thư-toán, tuổi từ ba-mươi trở lên, người nào có lại-tài, thì chia bổ làm lại ở các nha-môn trong ngoài, bắt đầu từ chức thông-lại, rồi đề-lại, thư-lại, thăng đô-lại, chiếu theo nha-môn nhiều việc hay ít việc, định hạn mười-bảy-mười-tám năm, hoặc mười-chín, hai-mươi năm, được bổ hai chức châu, huyện... »

Sách *Đại-Nam thực-lục*, tiền biên, quyển 8, tờ 11 a, chép : « Năm bính-tuất thứ mười-một, 1646, chúa Nguyễn Phúc-Lan, — chứ không phải Loan như ông Hòe chép, — định chín năm một lần thi ở Trung-kỳ, cho học-trò chính-đồ và hoa, văn đều tới công phủ ứng thi. Chính-đồ thi ba ngày ; ngày thứ nhất tứ-lục, ngày thứ hai thơ-

phủ, ngày thứ ba văn-sách. Lấy những quan về hàng văn, như tri-phủ, tri-huyện làm sơ-khảo ; — cai-bộ, ký-lục, nha-úy làm giám-khảo ; — nội-tả, nội-hữu, ngoại tả, ngoại-hữu, làm giám-thị. Quyển nào đỗ, đóng thành tập dâng lên, định làm ba hạng : giáp, ất, bính. Hạng giáp là giám-sinh, bổ tri-phủ, tri-huyện. Hạng ất là sinh-đồ, bổ huấn đạo hạng bính cũng là sinh đồ bổ-lễ sinh, hoặc cho nhiêu-học mãn-đại.

« Thi hoa-văn cũng ba ngày, đều viết một bài thơ ; người nào đỗ cũng chia làm ba hạng, bổ chức tá-sai, lệnh-sử, tướng-thần-lại tam ty, và cho nhiêu-học, gọi là thu-vi hội-thi »

Chữ *đồ* ở chữ *chính-đồ*, viết «dư» trong, quai xước ngoài, nghĩa đen là đường. Chữ *đồ* ở chữ *sinh-đồ*, viết bộ chích bên chữ « tẩu », nghĩa là học-trò.

Năm đinh-hợi 1647, chúa Nguyễn mới mở khoa thi lấy chính-đồ, trúng cách bảy người ; hoa-văn trúng cách hai-mươi-bốn người, đều bổ-dụng (*Đại-Nam thực-lục*, tiền-biên quyển 3, tờ 11b)

Năm đinh-hợi 1707, mùa thu tháng tám, chúa Nguyễn Phúc-Chu mở khoa thi lấy chính-đồ, trúng cách ba người giám-sinh, bảy người sinh-đồ, bảy người nhiêu-học. Ba người trúng cách hoa-văn. Năm người trúng cách tnám phóng *Đại-Nam thực-lục*, tiền biên, quyển tám, tờ 1a.

Triều Lê, «thi tiến sĩ chia ra làm tam giáp. Đệ nhất giáp ba người, gọi là trạng, bảng, thám, nói tóm là tam khôi. Đệ nhị giáp nguyên là chính-bảng, gọi là hoàng, do chữ hoàng-giáp, theo tên cũ đời Trần, cũng như gọi cậu chiêu, chiêu-văn-quán, cậu trọc, nho sinh cậu tú, tú lâm cục đều có sở-cứ. Đến như đệ tam giáp, nguyên là phụ-bảng, tại sao lại gọi là nghè ? Xét ra cách xưng-hô của nước ta, phần nhiều theo tục-ngữ : miếu thần xưa gọi là nghè cũng như Hải dương gọi là Trấn Đông, Sơn-tây gọi là trấn Đoài, Sơn-nam thượng gọi là trấn Châu — nguyên trấn-lỵ ở xã Châu-cầu. — Sơn-nam-hạ gọi là trấn Đằng — (Nguyên trấn-lỵ ở xã Đằng-châu, v.v. Vả lại, đời đời dùng người, thường lấy khoa giáp làm trọng, hễ đỗ tiến-sĩ, liền bổ Hàn-lâm, rồi từ tu-soạn — tam-giáp —, từ kiểm thảo — nhị-giáp — từ thị-chiếu — thám-hoa — từ thị-chế, bảng-nhỡn, từ thị-thư, — trạng-nguyên — mà dần-dần thăng lên thị-độc, thị-giảng, thừa-chỉ, nơi chật thăng hàm, được mũ áo cầm hốt, lên chốn miếu-đường, tức là *nghè*, cho nên nhân sự được phụng hầu chốn lăngmiếu, mà gọi là *ông nghè* tức như những người lại thư-thủ được bổ Hàn-lâm bút-thiếp, cũng gọi là *cậu nghè* : ấy bằng-chứng ở đó. Cứ thế thì tiếng *nghè* là tiếng gọi chung của những người được bổ vào Hàn-lâm Nhất-giáp, nhị-giáp đã có tên riêng rất nhã, không cần phải tìm tiếng khác duy đệ tam giáp nếu gọi là « ông phụ», thì không được trang-trọng nên chiếm công làm tư như thế. Ngạn-ngữ có câu đối rằng:

«Đá xành xây cống, hòn dưới nống hòn trên ;
«Ngói đỏ lợp nghè, lớp sau đè lớp trước.

«Cứ câu ấy có thể rõ-ràng là ta gọi miếu là nghè.» (dịch trong *Nam sử tập biên*, quyển ba, tờ 41b-42a) Kể ra về việc thi-cử ở nước ta ngày xưa, còn phải tra-cứu nhiều ; nhưng đối với một quyển từ-điển, chép bấy nhiêu việc tưởng cũng đủ rồi, *(Còn nữa)*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đón coi :

1) Cách đặt tiếng việt mới dùng làm chữ chuyên môn của Giáo sư Nguyễn trọng-Thuyết
2) Văn tả người tả cảnh trong Đoạn trường tân thanh. của Đào Duy Anh
3) Vở «Jalousie» của Sacha Guitry biến thể trong «Ghen» kịch ba hồi của Đoàn Phú Tứ Kiều Thanh Quế viết

HÃY ĐỌC

Triết học KANT

của Nguyễn đình Thi

Một viên gạch quý báu trong công cuộc xây đắp văn hóa nước nhà. Một học thuyết mở đường cho tất cả nền triết học Tây phương hiện thời.

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 49 — Takou — Hanoi

ĐÃ PHÁT HÀNH

VÀNG SAO

của Chế lan Viên

In toàn trên giấy vergé bouffant. Bìa do họa sĩ Lưu văn Sin trình bày.

Giá 2p50

Sắp có bán

Triết học NIETZSCHE

Tài-liệu để đính-chính...

Tiếp theo trang 8

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

Bài thơ vịnh đàn đời Đường có câu ; « Sơ nghi táp-táp lương phong động, hựu tự tiêu tiêu mộ vũ lình, cận nhược lưu tuyền lai bích - chướng, viễn như huyền hạc tạ thanh minh », nghĩa là lúc đầu từ từ như gió mát đưa đến, lại rào rào như mưa tối lạnh lùng, gần như nước suối chảy từ trên núi, xa như huyền-hạc hay xuống bể xanh. » xem thế thì bốn câu Kiều trên kia do cụ Nguyễn-Du bắt chước bốn câu vịnh đàn đời Đường, nhưng bắt chước một cách tuyệt khéo.

Khiến người ngồi đó cũng *ngơ ngẩn sầu.*

Quyển chú-thích và bản quốc - ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh chép là « *mà* ngơ-ngẩn sầu ».

Lựa chi những bực *tiêu-tao* ?

Xót lòng mình cũng nao-nao lòng người.

Quan-văn-Đường chép là : « *Thực* lòng mình cũng *lao đao* lòng người » Ông Vĩnh chép là : « Lựa chi những *khúc* tiêu-tao, *Thiệt* lòng mình cũng nao-nao lòng người ? »

Để cho thưa hết một lời đã nao !

Các bản chép là : « *Rẽ* cho thưa hết một lời đã nao ! »

Những *con người ấy ai cầu làm chi.*

Các bản chép là : *Thì* con người ấy ai cầu làm chi ? »

Gẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lứa đôi, đôi lại đẹp tày Thôi Trương !

Về câu này, quyển *Kim-vân-Kiều truyện chú*, tờ 42b-43b, dẫn truyện Thôi-Oanh và Trương-sinh như sau đây : « Mẹ Thôi-Oanh, người họ Trịnh, là con cô con cậu với Nguyên-Chẩn. Bố cũng người họ Trịnh, cùng ngụ ở chùa Phổ-cứu, đất Bồ-đông. Năm ấy Hồn-Hàm chết ở đất Bồ. Trong quận, nhân việc tang, mà rối loạn. Nguyên Chẩn có quen người trong đảng đất Bồ, cứu được Thôi-Oanh khỏi nạn, Trịnh làm cỗ khoản đãi Chẩn, bảo con gái ra lạy, cố ép, Thôi-Oanh mới chịu ra chào. Nguyên-Chẩn trông thấy đông lòng, dỗ đứa thị nữ là Hồng-nương đưa tờ đến ghẹo Sớm hôm sau, Hồng-nương cầm một tờ hoa tiên đưa cho Chẩn, nói rằng Thôi-Oanh sai đưa đến; trong hoa-tiên có đề : « Đến canh ba canh năm đêm hôm sau » Rồi hai người hội ở Tây-xương gần một tháng. Qua năm sau, Chẩn đi Tràng-an, đánh giặc không lợi, bèn ở trọ tại kinh, gửi thư đến Thôi. Thôi trả lời, trong có câu : « Quân tử hữu viễn cầm chi khiêu, tiện thiếp vô đầu thoan chi cự » nghĩa là quân-tử có ôm cầm ghẹo thiếp, tiện thiếp không ném thoi cự chăng. (Nguyên sách *Tấn thư* có chép Tạ-Côn khi còn nhỏ ghẹo con gái nhà láng giềng, người con gái đang dệt, cầm thoi rém gẫy răng Tạ-Côn). Chẩn mở thư, đưa người quen xem, nhờ người ấy làm hộ ba mươi vần thơ, đầu bài là « thơ Hội - chân của Trương-sinh». trong có một đoạn rằng «Mặt trăng soi thấu mành mành ngọc, ánh sáng xuyên qua lỗ trống không, buông màn là-lụa như mây phủ, gió nhẹ lay qua tiếng bội hoàn (đeo ngọc), trên ghẹo lúc đầu còn sẽ cự, đường tình mềm yếu đã tư thông, hơi áo còn mùi sạ, hơi gối còn dư hương, mây đi không sứ sở, Tiêu sử ở trong lầu. » Hơn một năm sau Thôi-Oanh lấy người khác. Chẩn qua nhà Thôi, nói mình là anh họ ngoại, xin ra mắt, Thôi nhất định không ra, làm thơ cự, có câu ; « Không vì người khác, xấu hổ không ra, vì chàng làm tiểu tụy, nên xấu hổ với chàng » Chẩn giận lắm làm bài Hội chân ký để kể xấu, đặt tên là Trương-Sinh để giấu tên mình ».

Còn nữa — Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giới thiệu sách

« *Triết-học sử gếu-lược* » và « *Tối mở băng* » là hai tập sách đầu trong kho sách phổ-thông « Buổi mới » mới ra mắt các bạn đọc.

Cuốn trên là loại sách triết học do ông Nguyễn Ái-Lang soạn, dày 86 trang giá 0p80 ; cuốn dưới là loại sách thương-mại do ông Lê Vũ-Thái làm, dày 50 trang giá 0p50. đều là xuất-bản-phẩm của nhà « Mới » số 57, Phúc-kiến, Hà-nội.

Hiện nay, dân ta đương cần có những loại sách thường-thức về các môn học để mau đ tới cái bước giáo-dục phổ-thông Như vậy, việc làm của kho sách phổ-thông « Buổi mới » tưởng cũng hợp thời.

Trước khi cám ơn việc tặng sách, tôi mong « Buổi mới » vững vàng tiến bước trên đường văn-hóa và ra được nhiều sách có ích. H.B.

Kính-Cáo

Nhiều bạn ở xa viết thơ về tỏ ý rất tiếc không được xem thiên du-ký « Từ Hanoi đến hồ Ba-bể » từ số đầu và yêu-cầu đòi in thành sách để giúp ích cho các nhà khảo-cứu sau này. Vậy chiều theo ý các bạn, tôi sẽ sửa lại cẩn-thận và sẽ xuất-bản tại nhà in Tri-Tân. Ai cần hỏi điều gì, xin viết thơ cho ông chủ-nhiệm báo Tri-Tân hay cho tác-giả theo địa-chỉ dưới đây :

NHẬT-NHAM Trịnh như-Tấu
Tham-Tá phủ Thống-Sứ Bắc-kỳ
Hanoi

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 10 Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	TRANG	NÓC HỜ
GIÁC 桷 Võ	nhứt danh Châu	Bắc-ninh, Lương tài	N	25	5ab	
GIAI 楷 Nguyễn-đăng	tự Toản-phu	Quảng-bình, Lệ-thủy	N	13	5a	lại âm « Khải »
GIAI 佳 Trần-phước		Vĩnh-long, Vĩnh-bình	S	9	5b	nay là vùng Long-hồ
GIAI » Võ-đình		Bình-định, Phù-cát	S	25	2b	
GIẢI 解 Võ-văn	tự Tuân-phủ	Quảng-nghĩa, Bình-sơn	N	19	1a	
GIẢN 倜 Nguyễn	tự Tuân-thúc	Thanh-hóa, Nông-cống	N	28	17a	
GIẢN 僩 Nguyễn-tư	tự Tịnh bá, hựu tự Đạm-như, hiệu Lương-khê biệt hiệu Mai Xuyên	Bắc-ninh, Đông ngạn	N	35	14a	thủ tịch Vĩnh-bình nhưng là người Bến tre (Bến tre)
GIẢN 簡 Phan-thanh		Vĩnh-long, Vĩnh-bình	N	26	21b	
GIẢNG 講 Bùi-văn		Quảng-bình, Minh-chánh	N	40	9a	
GIẢNG » Huỳnh-văn		Quảng-trị, Hải-lăng	N	41	12a	
GIẢNG » Nguyễn-văn		Quảng-nam, Diên-phước	S	14	11a	
GIẢNG » Nguyễn-văn		Biên-hòa	S	15	16a	
GIẢNG » Trần-thiện		không biết	S	19	6b	
GIẢNG » Trương-minh		Gia-định, Bình dương	N	20	12b	mộ tại Gò vấp
GIAO 交 Nguyễn-văn	tự Đạm-như	Nghệ-an, Thanh chương	N	38	14b	
GIAO » Trương-văn		Gia-định, Bình dương	S	15	22a	nay là vùng Sàigòn
GIÁO 教 Trương-phước		Gia-định, Tân-long	S	14	15a	nay là vùng Chợ-lớn
GIỚI 价 Ngô-đình		Quảng-bình, Phong đăng	S	26	10b	
24						
H						
HÀ 河 Trần-quang		Quảng-nghĩa, Chương nghĩa	N	41	3a	
HẢI 海 Hà-học	tự Sơn-phủ	Hà-tịnh, Hương sơn	N	29	23a	
HÁN 翰 Nguyễn-duy		Bắc-ninh, Từ-sơn	S	18	10a	
HÁN » Tôn-thất		Huế	N	11	7b	
HÁN 漢 Bùi-tá		Quảng-nghĩa, Chương-nghĩa	T	3	16a	
HÀNG 珩 Nguyễn-đăng		Quảng-bình, Lệ-thủy	N	13	21a	con Nguyễn đăng-Giai
HANH 亨 Nguyễn	tự Gia-kiết	Quảng-nam, Hòa-vang	N	38	18b	
HANH » Nguyễn-cửu	nhứt danh Hi	Gia-định,	S	20	3b	gốc người Thừa-thiên,
HANH » Trịnh-lý		Hanoi, Thanh-trì	N	36	7a	
HẠNH 行 Phạm-đức		Nam-định, Võ-tiên	N	40	10a	
HÀO 豪 Nguyễn-hữu		Thanh-hóa, Quý-huyện	T	3	41b	con Nguyễn hữu-Đật
HÀO » Nguyễn-khoa		Thừa-thiên, Hương trà	N	14	7a	
HÀO 濠 Nguyễn-xuân		Quảng-bình, Bình-chánh	N	41	21b	
HẢO 好 Nguyễn-thị (2)		không rõ	S	29	11b	
HÂN 欣 Huỳnh-thị		Bắc-ninh, Hiệp-hòa	S	29	10b	vợ Võ nguơn-Lượng
HẬU PHI (chư Tiên-vương)			T	1	—	và có chữ HOÀNG-HẬU
HẬU 厚 Huỳnh-văn		Quảng-trị, Đăng-xương	N	18	13b	
HỆ 係 Trần-văn		Quảng-bình, Tuyên-chánh	N	37	22b	
HI 曦 Lê-xuân		Quảng-bình, Lệ-thủy	T	5	37b	
HI 熹 Trần-đình		Quảng-trị, Minh-linh	T	5	26a	

(1) : Tiền biên, S. : Sơ-tập, N. : Nội tập (2) chết tại Bình-định lúc Võ Tánh bị vây

TIỂU-THUYẾT LỊCH-SỬ

ĐÊM HỘI LONG-TRÌ

Số 1 NGUYỄN-HUY-TƯỞNG viết

I

KHI bọn Bảo-Kim tới Bắc-cung thì hội mới bắt đầu khai-mạc.

Với chúa Tĩnh-đô, hội Trung-thu lại càng náo-nhiệt, và năm nay hội từng-bừng hơn cả mọi năm.

Được vào đây, chỉ có những người trong hoàng-gia, những người ngoài phủ chúa, những quan to, những mệnh-phụ, những tiểu-thư. Và cả những thư-sinh cũng được vào. Muốn thưởng công những chiến-sĩ đã chiến-thắng quân Nguyễn ở Phú-xuân, chúa đặc-biệt cho cả những quan võ nhỏ được dự vào cuộc vui rất trọng-thể này.

Hồ Long-trì đã thành một nơi bồng-lai mộng-ảo, cách-biệt với phàm-trần. Hồ rộng hơn nửa dặm, thả rất nhiều sen ấu. Bên hồ, có đắp những ngọn giả-sơn rất to bằng đất hoặc bằng đá. Trong hang, trong hóc, hoặc trên đỉnh, hoặc dưới chân, hoặc trước, hoặc sau, ẩn ẩn hiện hiện, có những chàng « Tương-như », hay những gã « Tiêu-lang » ngồi hòa nhạc, ăn mặc ra vẻ tiêu phong đạo-cốt. Núi vọng ra những tiếng bồng, tiếng chim, tiếng tì, tiếng trúc, nghe lả lướt du-dương. Bờ hồ, trên cành hàng mấy trăm gốc phù-dung, dương-liễu, có treo muôn thức đèn lồng bằng gấm vóc. Những đèn ấy đều do chúa Tĩnh đô sai cung-nữ chế ra, tinh khéo tuyệt-đời, mỗi chiếc đáng giá mấy lạng bạc. Xa trông như muôn vàn sao lốm đốm sáng.

Và bảng-bạc khắp nơi, tô-điểm thêm lên là ánh trăng rằm. Trăng không trong, hơi đục, nên cảnh sắc càng thêm mông-lung phiếu-diểu. Đường đi, bóng cây in xuống, khi xóa, khi hẳn, theo với gió thu. Trời chưa mát, nhưng cũng không nực lắm. Hai bên đường, hoặc dựa vào chân núi, hoặc nối liền hai ngọn núi, hoặc dựng trên sườn, hoặc đứng biệt-lập một nơi, có những cửa hàng bán khắp đồ tạp-hóa phương nam, phương bắc, cho chí thịt, quả, rượu, nem không gì là không có. Những quan nội-thị đều chít khăn vuông, ăn mặc như đàn bà. Họ giữ việc bán hàng.

Nhưng họ có bán đâu? Bọn cung-nữ đi đi lại lại trong chợ, tha hồ mà cướp mà mua không hỏi giá-cả gì. Họ tranh nhau lấy những tiếng hàng rau hàng cá mà nói chua nói chát lẫn nhau. Những mệnh-phụ, những tiểu-thư cũng bỏ thói đài các, ăn mặc trá hình, người quen không nhận ra nhau được, đi lẫn lộn với bọn trên, hoặc mua hoặc bán, lời ăn tiếng nói cũng rất là phóng túng.

Theo ý chúa, trong đêm duy nhất này, người ta sẽ sống thực tự-do, nô-đùa cực suồng-sã, không biết đến tôn-ti trật tự là gì nữa. Và sau cuộc vui hỗn-hợp này, ai lại trở về nồn-phận nấy, có chăng nữa chỉ còn giữ chút lương vị cuộc vui như một giấc mộng vàng.

Chúa Tĩnh-vương chưa ngự tới, nhưng người môi lúc một đông. Sáu người bạn của Bảo-Kim cảm thấy một cái thú cuồng-dại đi bên muôn thức bông hoa, phần nhiều đội lốt những đàn-bà con gái nhà quê, nhưng vẫn không sao giấu được vẻ phong-lưu quý-phái.

Duy có Bảo-Kim là thờ-ơ hết cả. Năm ngoái chàng cũng có cái cảm-giác mê-ly như chúng bạn chàng, nhưng năm nay chàng khác hẳn. Mắt chàng chỉ tìm-kiếm một người mà đã sáu tháng nay chàng trộm nhớ thầm yêu. Chàng chắc rằng trong đêm hội này, thế nào nàng cũng ra dự. Nhưng đi đã lâu mà chưa gặp. Chàng đứng lại, bên một cây dương-liễu, mơ-mộng nhìn ra Long-trì xem ánh trăng đậu trên những lá ấu-sen.

Các bạn vốn yêu Bảo-Kim, nên cũng đứng lại theo chàng.

Lưu Sĩ-Trực mải tặng một thiếu-nữ đi qua một cụm hoa sen, thấy các bạn xúm quanh Bảo-Kim, bèn quay lại hỏi:

Đang vui, đứng lại là cái gì? Đêm nay một khắc là một nén vàng, bỏ qua thì thiệt lắm. Trông kìa, đi mau đến...

Vừa nói vừa lấy tay chỉ phía bên kia hồ. Chỗ ấy sáng bật hơn mọi khu, vì đèn lồng và đèn xếp rất nhiều.

Một chiếc túi thêu ném trúng ngực Bảo-Kim giữa những tiếng cười của một bọn thiếu-nữ ăn bận lối con gái làng Lim. Người thanh-niên cúi xuống nhặt lên xem, thì là một túi đựng hai miếng trầu mùi thơm thoang-thoảng. Đáng nhẽ như mọi năm, thì chàng đã sấn lại trêu bọn thiếu nữ, mở túi ra lấy trầu mời-mọc và bắt đầu một câu chuyện tình dứt ra không hết. Nhưng năm nay chàng chỉ thờ-ơ nhìn họ như một gã vô tình.

Chàng cũng chẳng để ý xem ai đã vứt túi. Lãnh-đạm và tàn-ác, chàng tới gốc một cây dương-liễu, buộc túi gấm vào một đầu cành, rồi buông ra cho cành là xuống mặt nước.

Trần-Thành người bộc-trực nhất trong bọn, hỏi:

— Anh làm gì mà giận dữ người ta thế?

Bảo-kim cười, đáp lại:

Coi thường hết cả.

Bọn con gái lấy làm phật ý vì cái thái-độ ghẻ lạnh của chàng. Một

người vốn mộ văn-chương của Bảo-kim, và đã sắm một chiếc quạt lụa, nan ngà, định xin chàng một bài tứ-tuyệt, thấy cử chỉ chàng như thế, đành phải giấu chiếc quạt vào trong bọc với cả mối tiếc hờn.

Các bạn giục-giã. Đỗ-Tuấn-Giao, xinh đẹp như một cô con gái, gắt gỏng hỏi Bảo-kim:

— Thế nào? Bắt người ta chết đứng cả đây à? Si-tình nên tính quẩn: có đi thì mới tìm thấy ban trăm năm, ai người ta làm cỗ sẵn cho mình?

Bảo-kim tự biết làm phiền các bạn. Chàng nói:

— Các anh thứ lỗi cho. Tôi lãng quên mất. Vậy ta đi nào.

Họ lại rẽ sóng giai-nhân, thẳng chỗ sáng nhất mà đi. Một cái vỏ chuối ném vào giữa mặt Bảo-kim, tiếp theo một tràng tiếng chua-ngoa:

Danh sĩ Bảo-kim sang năm đi thi thì trượt nhé.

Bảo-kim lấy khăn tay lau mặt, thản-nhiên không nói gì.

Nhưng khi bỏ chiếc khăn tay vào túi, nhìn phía trước mặt, chàng bỗng rú lên một tiếng vui mừng. Dựa vào chân một cái giả-sơn rất cao, là một ngôi hàng rất xinh và sáng-sủa, bán rượu, hoa quả và bánh trái. Trên tường bày la liệt những câu đối, những bức tứ-bình, mấy cây dương-liễu trước nhà, có treo những giải lụa trắng phấp phới, phô theo chiều gió.

Người chủ hàng là một thiếu-nữ kiều-mỵ: Quỳnh-Hoa quận-chúa, ái-nữ tĩnh-vương. Người mà Bảo-Kim mơ ước. Trước cửa hàng, khách đã ngồi đầy, phần nhiều là những thi-nhân mặc-khách. Một bọn thị-nữ đang tấp nập bán hàng.

Quận-chúa trạc 16, 17 nàng hơi xanh dưới ánh trăng thu, người hơi gầy, nhưng vẻ thanh-tú. Nàng bận chiếc áo vải Đồng-lầm, chít khăn vuông mỏ-quạ, tóc hơi rối, càng tăng vẻ ngây-thơ. Mắt nàng chợt gặp mặt Bảo-kim. Chàng ngoảnh đi và nàng cúi gằm mặt xuống.

Đỗ-Tuấn-Giao, hóm-hỉnh nói:

— Đích thị rồi Quỳnh-hoa quận-chúa!

Hoàng-Đình-Nghiễm, người nhiều tuổi nhất trong bọn, hỏi:

— Vào chứ, anh Kim?

Rồi Trần-Thành, Lưu-Sĩ-Trực, và hai người nữa là Vũ-Hoành, Lê bá-Hồ, cùng phá lên cười, khiến cho các cống-sĩ ngồi trong hàng đều phải ngoảnh ra.

Bảo-Kim còn đang lúng-túng thì hai người thị-nữ cũng ăn mặc quê-mùa cầm đèn lồng bước lại, kính-cẩn thưa:

— Xin mời liệt vị vào hàng sơi nước! Nhân gặp tiết thu, cô chúng tôi có mở một ngôi hàng nhỏ để được tiếp các văn-nhân và tận đôi thi-lễ. Nay trường bút chiến mới bắt đầu, mời liệt vị cùng vào dự cuộc cho thêm phần long-trọng.

Cả bọn đồng thanh nói:

— Xin đa-tạ và lĩnh ý.

Anh em Bảo-kim theo hai người thị-nữ bước qua thề-môn, trên treo một cái đèn tuyệt-mỹ, có đề ba chữ «*Quần-anh-hội*».

Bọn văn-nhân ngồi trước cửa hàng có đến hai ba chục người. Trước mặt người nào cũng có văn phòng tứ bảo. Thấy có khách lạ, họ đứng dậy thi lễ. Nhưng khi nhận kỹ ra là bọn Bảo-kim, người nào người ấy đều có ý gờm gờm. Một người còn lầm-bầm:

— Chúng nó vào thì mình còn mong giật giải giật lèo làm sao được?

Trong chốn kinh-thành, bọn Bảo-kim đã lừng danh hay chữ. Bảo-Kim lại trội hơn cả anh em. Người kẻ-chợ đã tặng cho chàng tiếng danh sĩ. Tuy còn ít tuổi, nhưng chàng đã hác lâm quần thư, nghị-luận giỏi và văn chương tao-nhã.

Bảy anh em đến ngồi quanh một cái kỷ. Thị-nữ bưng một cái đĩa sứ lớn đầy hoa quả và một khay bạc đầy bánh trái. Một người lễ-phép thưa:

— Xin liệt vị chiếu cố.

Bảo-Kim nói:

— Trước khi nhận quà ban tặng, xin cho dự trường bút chiến đã. Chúng tôi có hai bàn tay trắng đến đây, chỉ có chút «quà» văn-tự tặng chủ-nhân. Xin cho dự cuộc.

Quỳnh-Hoa đã tới trước mặt. Nàng tươi cười nói:

— Đây là chút lễ tiên-kiến. Đối với cao-sĩ, vật mọn này chỉ khiến kẻ yêu văn thêm thẹn. Liệt vị hãy chiếu cố cho. Vả, liệt-vị đến chậm, nên đợi cuộc thi sau. Trong trường văn, phải lấy chữ công-bình làm cốt.

Giọng nói nhẹ như tơ, tự nó đã có một nhạc-điệu tuyệt vời. Bảo-Kim đứng ngây nhìn người mà chàng vốn hâm mộ tài sắc. Trước kia chàng mới có cái hân-hạnh nhìn trộm nàng ở xa, không ngờ nay lại có cái diễm-phúc được gần người ngọc. Mắt chàng ngắm cái sắc thanh-kỳ kia, lòng chàng hồi hộp, chàng muốn nói mà không sao nói được.

Từ chỗ giả-sơn cạnh đấy một bài lưu-thủy do một chàng Tiêu nào đưa lại như lôi hồn chàng theo giòng suối thiên-thai.

Hoàng-Đình-Nghiễm thay mặt anh em, vòng tay thưa:

— Tiểu-sinh chúng tôi đến chậm, đã là một tội. Lại để lỡ một dịp ca tụng Trăng-thu, và sắc đẹp của nữ-chủ-nhân, chẳng hóa ra lại thêm một tội nữa. Xin nữ-chủ-nhân cho thi ngay.

Đỗ-Tuấn-Giao nói:

— Xin nữ chủ-nhân cứ cho phép. Dù làm dở bài, mang tiếng dốt, chúng tôi cũng xin chịu.

Quỳnh-Hoa nghiêng mình đáp:

— Đó là quyền của liệt vị, tôi đâu dám ngăn cản.

Còn nữa

NGUYỄN-HUY-LƯỢNG

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p.00 một vé

Những sách của

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton Hanoi

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25

2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 p.50

3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 p.50

4) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 p.80

5·) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 p.50

ĐANG TẠI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

Mấy cuốn sách giá-trị của

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

ĐẠO SỐNG *sách thường 2p00* *sách đẹp 4p00*

«J'ai lu cet ouvrage avec un grand intérêt et y ai apprécié un exposé concis et clair des principales éthiques ainsi que les commentaires judicieusement présentés de chacune de ces doctrines. Je vous félicite.....»

P. DELSALLE

Pésident Supérieur au TONKIN

«Những sách như sách Đạo Sống này chính là tài liệu giúp cho chúng ta suy nghĩ *Phạm-Quỳnh*

Lược-khảo về Mỹ-thuật Việt-Nam

sách thường 1p50 *sách đẹp 3p50*

A la fois sinologue et artiste, Ng.x.Nghi nous donne avec autorité et avec l'accent d'une admiration émue des résultats de son enquête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire...

... Il sait parler à l'imagination autant quà l'esprit parce qu'il sait voir et faire voir en artiste les choses concrètes...

... La forme en est agréable, discrètement pittoresque ..

Nguyễn-văn-Tố

THI-THOẠI

Dầy non 300 trang giá 2p00

Mua một cuốn, xin gửi tiền trước kèm 0p40 cước

Thư từ ngân phiếu đề cho

Ô. Lê văn Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã

16 bis Tien Tsin Hanoi

VŨ-NGỌC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p

Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông-dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp-chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »

Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả mỗi quyển là 0p30.

Khôn lĩnh hóa giao ngân

Ma về : Nhà in Tân-Dân

93, Phố Hàng Bộng Hanoi.

Từ 15 11-42, trong toàn cõi Đông-Pháp sẽ có bán

VIỆT-NAM

CỔ VĂN HỌC SỬ'

của NGUYỄN-ĐỔNG-CHI

Tựa của TRẦN-VĂN-GIÁP *Lời bạt của* HUỲNH THÚC-KHANG

—Bìa của Nguyễn đỗ Cung—

Trên 1000 bản khắc chữ Hán đủ cả các thể, thơ, phú, chiếu, dụ, kèm những bản dịch ra quốc âm-ngoài mười năm nghiên cứu, tham khảo, trong hai trăm cuốn sách, báo, kim, cổ, đông, tây. Để góp thành ngót trăm trang toàn những tài liệu quý giá.

Giá đặc biệt 4$50

Mua một cuốn gửi tiền về trước kèm thêm 0p70 cước đảm bảo. Không bán lãnh hóa giao ngân.

→ **HÀN-THUYÊN**

— 71 Tien Tsin Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi